BẮC THÁI

TRONG CĂN CỨ ĐỊA VIỆT BẮC

BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG BẮC THÁI

XUẤT BẢN 1987

LỜI GIỚI THIỆU

Từ những buổi gây dựng cơ sở du kích đầu tiên năm 1940, đến khi Cách mạng tháng Tám thành công 1949; kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi năm 1954, trong mỗi bước hình thành và phát triển của các căn cứ địa Việt Bắc, tỉnh Bắc Thái luôn luôn giữ vai trò một tỉnh trung tâm căn cứ địa Việt Bắc, một trong những căn cứ cách mạng về căn cứ kháng chiến vững chãi nhất của cả nước.

Từ trước đến nay, xây dựng căn cứ địa, xây dựng tiềm lực chính trị - kinh tế - quốc phòng luôn luôn là một vấn đề chiến lược trọng yếu trong đường lối cách mạng, đường lối quân sự của Đảng ta.

Hiểu biết những gì mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh Bắc Thái đã làm trong quá trình hình thành và phát triển căn cứ địa Việt Bắc trước đây, là hiểu biết một thế mạnh của tỉnh về truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng của tỉnh và để phát huy thế mạnh ấy trong hoàn cảnh mới của Bắc Thái, của Việt Bắc ngày nay.

Nhằm mục đích đó, nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946- 19-12-1986); 40 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng, Chính Phủ trở lại Bắc Thái để lãnh đạo toàn dân tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (5-1947 -5-1987);40 năm chiến thắng Việt Bắc (thu đông 1947-1987)…Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, biên soạn và xuất bản cuốn BẮC THÁI TRONG CĂN CỨ ĐỊA VIỆT BẮC (thời kỳ 1940 -1954).

Trong quá trình biên soạn cuốn sách, Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Bắc Thái nhận được sự giúp đỡ tận tình của nhiều đồng chí lão thành cách mạng, của cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh; Đặc biệt là sự giúp đỡ về tư liệu lịch sử, kinh nghiệm biên soạn đề tài chiến tranh của Ban ký sự Lịch sử quân đội thuộc Tổng cục chính trị.

Ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái chân thành cảm ơn sự đóng góp chung ấy và trân trọng giới thiệu với bạn đọc cuốn BẮC THÁI TRONG CĂN CỨ ĐỊA VIỆT BẮC.

Bắc Thái, ngày 25-8-1986

T.M Ban thường vụ Tỉnh ủy Bác Thái

Phó bí thư

NGUYỄN THẾ ĐẠT

I- NHÌN LẠI LỊCH SỬ

1- ĐỊA LỢI – NHÂN HÒA

Đất nước Việt Nam là một trong những cái nôi của loài người. Với tài nguyên thiên nhiên phong phú, lại án ngữ một vị trí trọng yếu ở vùng đông - nam Châu Á nên thường xuyên bị các thế lực bên ngoài nhòm ngó xâm lược. Trong bối cảnh Đông Nam Á, nước ta còn là nơi hội tụ, giao lưu của các luồng di cư giữa cư dân cư trú ở phía Nam sông Dương Tử với cư dân Nam Á, Mã Lai - Đa Đảo (Malayo – Pôliné siên). Nên lịch sử hình thành dân tộc Việt Nam gắn liền với lịch sử đấu tranh chống lại sự xâm lăng và nô dịch của các thế lực bên ngoài. Rất nhiều lần, để bảo vệ sự sống còn của quốc gia, dân tộc, nhân dân ta đã phải đứng lên tiến hành những cuộc chiến tranh giải phóng, chiến tranh bảo vệ tổ quốc. Quá trình đó đã hun đúc, tạo lập cho dân tộc Việt Nam một truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất.

Những cuộc chiến tranh giải phóng do tổ tiên ta tiến hành đều khởi đầu bằng những cuộc nổi dậy khởi nghĩa ở các địa phương trong hoàn cảnh sự thống trị, cùm kẹp hà khắc của bọn xâm lược.

Với lực lượng ban đầu ít ỏi, tổ tiên ta đã phải dựa vào sự hiểm trở của thiên nhiên, sự đồng tình của lòng người mà tạo thế đứng chân vững chắc ở các miền rừng núi, đầm lầy, tích trữ gây dựng lực lượng cơ bản. Từ vốn ban đầu đó, quá trình tồn tại và trưởng thành, tổ tiên ta đã "biết mình, biết giặc" lợi dụng những thế yếu của đội quân xâm lược, mà tiến hành những trận đánh phục kích, tập kích, quấy rối làm suy yếu dần lực lượng của chúng; chuyển hóa lực lượng ta từ yếu thành mạnh, từ ít thành nhiều và khi thời cơ đến, dốc hết lực lượng tống cổ bọn xâm lăng ra khỏi đất nước. Tiến trình trên trở thành quy luật cho những cuộc chiến tranh giải phóng của dân tộc ta. Lịch sử những cuộc nổi dậy khởi nghĩa của nhân dân ta chống lại sự xâm lược của các đế chế

phong kiến phương bắc; Tần, Hán, Tống, Minh, Thanh đã chứng minh điều đó! Tổ tiên ta đã chọn chỗ đứng chân ban đầu cần và đủ những điều kiện nào?

Thứ nhất: Chỗ đứng chân phải có một địa thế hiểm yếu (núi rừng hiểm trở, đầm lấy…). Ở đó sự kìm kẹp của địch tương đối lỏng lẻo: có tiềm năng kinh tế tự cấp tự túc, và điểm quan trọng hơn, là nơi nghĩa quân "tiến có thể đánh, lui có thể giữ"

Thứ hai và là điều kiện cốt tử nhất, đó là lòng người xây dựng chỗ đứng chân đầu tiên, tổ tiên ta trước hết phải thu phục nhân tâm. Sao cho người người từ trẻ đến già muôn người như một hướng về đại nghĩa đánh giặc giải phóng non sông. Có như vậy mới xây được thành lũy vững chắc trong lòng nhân dân (chúng chí thành thành). Nhân dân vùng căn cứ ban đầu là lực lượng bảo vệ, tai mắt của nghĩa quân, là lực lượng tại chỗ cung cấp lương thực, thực phẩm, vũ khí là nguồn nhân lực cho cuộc khởi nghĩa khi còn trứng nước.

Lịch sử cho thấy những cuộc khởi nghĩa không được đông đảo nhân dân tham gia, sớm muộn cũng bị thất bại hoặc biến chất thành những toán giặc cướp.

Ở mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau, vấn đề xây dựng căn cứ địa được tổ tiên ta đặt ra ở những mức độ khác nhau. Nhưng nhìn chung, kinh nghiệm của tổ tiên ta trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước là khi tìm chỗ đứng chân lập khu căn cứ, điều kiện nhất thiết phải có đó là ***địa lợi và nhân hòa.***

Có được căn cứ ban đầu cũng chưa đủ; trong điều kiện nước ta đất rộng, người thưa, tổ tiên ta phải "vừa cày ruộng vừa đánh giặc"; phải lấy vùng căn cứ ban đầu làm bàn đạp liên kết, mở rộng với những căn cứ khác tạo thế liên hoàn, phối hợp. Hơn thế nữa còn phải hướng về đồng bằng đông dân, nhiều cửa liên kết với các đội quân làng xã, tận dụng sức người sức của tiềm tàng vùng đồng bằng mới có thể mở rộng lực lượng, đánh những trận quyết định, làm chuyển biến tình hình.

Là một tỉnh miền núi và trung du, Bắc Thái tiếp giáp với Cao Bằng về phía Bắc, phía tây là dãy núi cao sừng sững như bức trường thành, tạo thành một địa giới tự nhiên với tỉnh Hà Tuyên. Đông và đông nam giáp Lạng Sơn

và Hà Bắc bởi hệ núi đá vôi thuộc vòng cung Bắc Sơn và những dải rừng rậm bạt ngàn; xuôi về nam giáp Hà Nội là những đồi gò thấp, xen lẫn những cánh đồng trù phú.

Sông, suối, núi rừng điệp trùng vô cùng hiểm trở đã tạo cho Bắc Thái trở thành một địa bàn hết sức quan trọng trong quá trình dựng nước và giữ nước. "Đây là then chốt của tất cả các con đường thượng du". "Nơi đây cũng được coi như là chiếc chìa khóa mở cửa ngõ thượng du" và "Trải qua nhiều thế kỷ, tỉnh này trở thành vùng đệm ngăn ngừa nước Tàu khỏi đe dọa, xâm lược An Nam vào những tỉnh phía nam của Bắc Kỳ và Trung Kỳ" [1]

Trong lịch sử, nhiều lúc Bắc Thái bị cáo thế mực địa phương chiếm cứ làm căn cứ cát chứ chống lại chính quyền phong kiến Trung ương như Nông Tồn Phúc (năm 1039); Thân Lợi (năm 1091)…Đặc biệt, cuois thế kỷ 17, khi chính quyền phong kiến trung ương suy vi, tập đoàn quân sự nhà Mạc bị họ Trịnh đánh bạt lên miền núi, đã chiếm cứ Cao Bằng, Bắc Thái, xây thành đắp lũy, dựa vào vùng núi non hiểm trở này để xây dựng, củng cố lực lượng chờ dịp đánh lại họ Trịnh.

Năm 1870, tàn binh của phong trào nông dân Thái Binhfthieen Quốc (Trung Quốc) do Ngô Côn cầm đầu kéo vào nước ta. Một bộ phận của đám tàn binh này do Lường Tam Kỳ lamfthur lĩnh, đã chiếm cứ vùng Định Hóa làm sào huyệt. Nhờ thế đứng hiểm trở ở đây mà họ Lường đã thành công trong việc củng cố, cát cứ vào đánh trả các cuộc hành binh dẹp loạn của quan quân nhà Nguyễn và cả triều đình nhà Thanh…

Là một vùng đệm, nối liền miền rừng núi phía bắc với đồng bằng châu thổ bắc bộ, Bắc Thái còn là cửa ngõ giao lưu kinh tế, văn hóa giữa hai miền xuôi ngược và cuộc đấu tranh của cư dân trên Bắc Thái chống lại chính sách thống trị tàn bạo và chính sách đồng hóa thâm độc của kẻ thù cũng diễn ra hết sức quyết liệt để cùng cả nước, vì cả nước góp phần giành lại độc lập, giữ gìn được bản sắc dân tộc.

---

[1] E-Chi-Na: Lịch sử chính trị, quân sự tỉnh Thái Nguyên- bản dịch đánh máy -Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Bắc Thái.

Với những tư liệu còn ít ỏi, ta có thể biết, về đại thể từ đầu thế kỷ I đến những năm 30 của thế kỷ XV, trong gần 10 cuộc kháng chiến chống quân xâm lược phong kiến phương bắc, nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Thái vừa góp người, góp của, vừa trực tiếp đứng lên đánh giặc, kể từ lúc chúng hung hăng kéo sang, đến lúc chúng nhục nhã cút chạy.

2- BẮC THÁI TRONG LỊCH SỬ

Đầu thế kỷ XV, nhà Minh đánh dấu một thời kỳ cực thịnh của phong kiến Trung Quốc. Chúng đã đưa những đạo quân mạnh sang xâm chiếm nước ta. Dưới ách thống trị của nhà Minh, tài nguyên nước ta bị chúng vơ vét, cuộc sống dân ta bị chúng thẳng tay bóc lột, kìm hãm, đàn áp vô cùng tàn bạo. Nhân dân ta không chịu khoanh tay ngồi yên. Nhiều cuộc bạo động chống đối xuất hiện. Từ cuối năm 1407, ở miền trung và miền biển đông bắc, nhiều cuộc khởi nghĩa có tổ chức đã diễn ra. Ở miền núi Việt Bắc, Tây Bắc, những cuộc đấu tranh của nhân dân các dân tộc cũng khá bền bỉ, tiêu hao một phần quân địch chiếm đóng. Năm 1410, ở Thái Nguyên có phong trào nghĩa quân "Mặc áo đỏ" chiến đấu dũng cảm, linh hoạt. Lúc quân địch dồn lực lượng đến bao vây, nghĩa quân tạm lánh; lúc địch sơ hở, nghĩa quân bất thần tập kích địch, gây tổn thất cho địch. Từ Thái Nguyên, phong trào nghĩa quân "áo đỏ" lan nhanh nhiều vùng Việt Bắc, Tây Bắc, miền núi Thanh - Nghệ, làm cho giặc Minh không sao ổn định được chính quyền đô hộ của chúng ở miền núi rộng lớn của ta.

Đầu năm 1416, nghe tin Lê Lợi ở đất Lam Sơn dựng cờ khởi nghĩa, những người con tiêu biểu của nhân dân Thái Nguyên như Lưu Nhân Chú, Phạm Cuống, lập tức tìm đến, cùng các anh hùng hào kiệt nhiều nơi, tụ nghĩa, Suốt cuộc kháng chiến chống Minh, Lưu Nhân Chú anh dũng chiến đấu, lập nhiều công, được xếp loại đầu hàng võ.

Ở thế kỷ XVIII, nhân dân trong tỉnh nhanh chóng hướng về cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, giúp đỡ nghĩa quân trong việc đánh đổ tập đoàn phong kiến

Lê Trịnh, đóng góp sức người, sức của vào cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Thanh.

Ở thế kỷ XIX, nhân dân trong tỉnh hưởng ứng những cuộc khởi nghĩa rộng lớn của Dương Đình Cúc (năm 1806), của Nông Văn Vân (1883), chống lại tập đoàn phong kiến bán nước nhà Nguyễn.

Khi thực dân Pháp đem quân lên đánh thành Thái Nguyên, nhân dân trong tỉnh đã dũng cảm bảo vệ từng tấc đất, Quân Pháp đánh đi đánh lại nhiều lần mới dám cho quân vào đồn trú trong thành Thái Nguyên. Tỉnh lỵ rơi vào tay giặc nhưng trong nhiều năm, thực dân Pháp không sao bình định được vùng nông thôn tỉnh Bắc Thái. Tại các châu, huyện phía bắc tỉnh, nhân dân ta đã tự động nổi lên đánh địch nhiều trận, tiêu biểu là trận Chợ Mới, diệt gần 100 tên địch có hàng chục sĩ quan, hạ sĩ quan địch bị chết. Trong khi đó, ở phía nam tỉnh, nhân dân các châu, huyện cũng hăng hái hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Hoàng Hoa Thám. Đồng bào ta ở 8 tổng 30 làng thuộc Võ Nhai bỏ làng bản, vào rừng theo nghĩa quân. Nhiều trận chiến đấu chống Pháp diễn ra trên đất Võ Nhai, Phú Bình, Phổ Yên, Đại Từ…

Đầu thế kỷ XX thị xã Thái Nguyên lại bùng nổ đấu tranh khởi nghĩa. Đêm 30, rạng 31 tháng 8 năm 1917, dưới sự chỉ huy của Lương Ngọc Quyến và Trịnh Văn Cấn, binh sĩ yêu nước phối hợp với những người tù trong trại giam thị xã Thái Nguyên, nổi dậy được nhân dân, nhất là công nhân các mỏ quanh thị xã ủng hộ, lực lượng nghĩa quân nhanh chóng phát triển tới trên 600 người. So sánh lực lượng lúc ấy rất chênh lệch, sau 5 ngày làm chủ thị xã, Trịnh Văn Cấn phải đưa nghĩa quân rút về vùng Tam Đảo, tiếp tục chiến đấu đến tháng 3 năm 1918.

Nhìn lại lịch sử, Bắc Thái không phải là căn cứ xuất phát của một cuộc khởi nghĩa lớn trên đất Bắc Thái không diễn ra những trận đánh quyết định cục diện một cuộc chiến tranh chống ngoại xâm, song Bắc Thái là một trong những tỉnh sớm hưởng ứng những cuộc khởi nghĩa lớn, biết tìm đến và liên kết với căn cứ chủ yếu của nghĩa quân để kịp thời nổi dậy. Trong chiến tranh chống phong kiến xâm lược, nhân dân các dân tộc Bắc Thái tạo lập được

truyền thống bất khuất kiên cường chiến đấu và phục vụ kháng chiến, dù phải lâu dài, gian khổ mới đi đến thắng lợi.

II- TRONG CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG

Đến những năm 40 của thế kỷ XX, lịch sử chuyển giao cho Bắc Thái và mấy tỉnh miền Việt Bắc nước ta một nhiệm vụ hệ trọng, đó là nhiệm vụ đặt chỗ đứng chân, lập căn cứ địa cách mạng, chuẩn bị cho dân tộc ta đi tới một cuộc khởi nghĩa mới, trong điều kiện của thời đại mới, dưới ngọn cờ lãnh đạo của một Đảng kiểu mới- Đảng của giai cấp công nhân.

Vì sao có nhiệm vụ này ? Hoàn cảnh ra đời, sự hình thành và những bước phát triển của căn cứ địa Việt Bắc ra sao, trong đó, Bắc Thái góp phần đáng kể như thế nào?

1. MỞ ĐẦU THỜI KỲ MỚI

Những thế kỷ trước, dân tộc ta tiến hành những cuộc khởi nghĩa và chiến tranh, đều nhằm chống lại những đạo quân xâm lược mạnh, có số lượng đông nhưng trình độ trang bị vũ khí không khác hẳn ta và ở cùng chế độ phong kiến như nước ta.

Cuối thế kỷ XIX, kẻ thù xâm lược nước ta là chủ nghĩa đế quốc Pháp một cường quốc tư bản chủ nghĩa ở phương tây. Tập đoàn phong kiến nhà Nguyễn hèn nhát đầu hàng và câu kết với đế quốc Pháp để tiếp tục nô dịch nhân dân ta, làm cho đời sống nhân dân khổ cực không kể xiết.

Với truyền thống bất khuất, với lòng yêu nước nồng nàn, nhân dân ta từ Nam đến Bắc đã đấu tranh chống bọn cướp nước và bọn bán nước.

Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực lãnh đạo cuộc chiến đấu ở khắp miền Gia Định gần mười năm gây thiệt hại cho địch ở một số thị trấn, đường giao thông và đánh đắm nhiều tàu binh địch.

Tôn Thất Thuyết chỉ huy cuộc nổi dậy của dân chúng và một bộ phận binh sĩ yêu nước, đánh vào bộ máy cai trị và quân đội địch chiếm đóng kinh thành Huế. Tiếp đó những cuộc nổi dậy của Phan Đình Phùng ở Hương Sơn, của Đốc Ngữ ở ven sông Đà, của Nguyễn Quang Bích ở Tây Bắc, của

Nguyễn Thiện Thuật ở Bãi Sậy của Đinh Công Tráng ở Ba Đình v.v… đã làm quân địch phải đối phó.

Cuộc nổi dậy của nông dân vùng yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, kéo dài gần 30 năm, phá được nhiều đợt bao vây, càn quét của quân Pháp.

Những cuộc kháng chiến ấy không thành công bởi vì thiếu một giai cấp tiền phong lãnh đạo, thiếu một đường lối chính trị đứng đắn. Song, tất cả những cuộc nổi dậy, kháng chiến ấy đều đã nuôi dưỡng lòng yêu nước nhân dân ta, cổ vũ tinh thần đấu tranh không ngừng của đồng bào ta.

Ngày 3 tháng 2 năm 1930, Đảng Cộng sản Đông Dương - Đảng Cộng sản Việt Nam ngày nay - ra đời. Từ đây, giai cấp công nhân Việt Nam nắm quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Để đánh đổ ách thống trị của đế quốc Pháp. Đảng ta chủ trương phải kiên quyết đi theo con đường bạo lực cách mạng, con đường tuyên truyền tổ chức, huấn luyện quần chúng, đưa quần chúng từng bước đấu tranh chống địch, từ đấu tranh kinh tế, đấu tranh chính trị, tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, giành độc lập cho dân tộc, ruộng đất cho dân cày, mở đường tiến đến chủ nghĩa xã hội.

"Cách mạng là việc chung của cả dân chúng chứ không phải việc của một hai người", "Dân khi mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại nổi", từ 1927, đồng chí Nguyễn Ái Quốc, người sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo Đảng ta đã viết rất rõ như thế trong tác phẩm ***Đường cách mệnh.*** Trong hoàn cảnh mất nước những năm 20 của thế kỷ này. Đây là một tư tưởng lớn, khẳng định niềm tin của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với ***sức mạnh của quần chúng nhân dân***. Tư tưởng đó đặt cơ sở và chỉ đạo xuyên suốt quá trình tổ chức và động viên khởi nghĩa toàn dân, kháng chiến toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Luận cương chính trị năm 1930 và những nghị quyết của Đảng năm 1932, 1935 không những đề ra đường lối cách mạng mà còn đề ra quan điểm về vận động, tổ chức quần chúng đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. ***"Con đường giải phóng duy nhất chỉ là con đường vũ trang tranh đấu của***

quần chúng" vì thế. Đảng phải tổ chức ra ***đội tự vệ, đội du kích, quân đội công nông cách mạng, phải vũ trang quần chúng, huấn luyện quân sự cho quần chúng***, song việc cơ bản nhất là vận động quần chúng làm cách mạng, tổ chức các đoàn thể cách mạng của quần chúng để "***sắp đặt hàng ngũ quần chúng, lãnh đạo quần chúng võ trang bạo động".***

Phong trào cách mạng ở nước ta từ năm 1930 đến năm 1939 đã diễn ra theo phương hướng chỉ đạo trên đây của Đảng. Đỉnh cao của phong trào là Xô Viết Nghệ Tĩnh, với những cuộc nổi dậy của quần chúng công nông, làm tan rã chính quyền đế quốc, lập chính quyền cách mạng của nhân dân, dưới hình thức Xô Viết, Lần đầu tiên ở nước ta, liên minh công nông được thực hiện có hiệu quả to lớn, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đội tiền phong của giai cấp công nhân.

Tiếp đó là những cuộc vận động quần chúng rộng lớn. Đấu tranh chính trị sôi nổi, dưới nhiều hình thức và lan rộng khắp thành thị, nông thôn nước ta, Hàng triệu quần chúng được Đảng vận động và đưa vào cuộc đấu tranh cách mạng, đòi tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, chống phát xít xâm lược.

Tháng 9 năm 1939, cuộc chiến tranh thế giới bùng nổ. Những biến cố lớn, nhanh chóng, dồn dập, diễn ra từ Âu sang Á. Một thời kỳ mới: thời kỳ chiến tranh và cách mạng bắt đầu diễn ra trên đất nước ta.

Trước tình hình mới, hội nghị Trung ương lần thứ 6 họp tại Hóc Môn (Gia Định) tháng 11 - 1939, xác định vấn đề giải phóng dân tộc là vấn đề hàng đầu của cách mạng nước ta, lập ra mặt trận dân tộc thống nhất để tập hợp mọi lực lượng cách mạng của quần chúng và đề ra chủ trương ***"dự bị những điều kiện bước tới bạo động làm cách mệnh giải phóng dân tộc".*** Hội nghị Trung ương tháng 11 -1939 đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn về chỉ đạo chiến lược cách mạng và nêu lên nhiệm vụ chuẩn bị đi tới một cuộc khởi nghĩa vũ trang.

Giữa lúc phong trào cách mạng Việt Nam chuyển theo chủ trương mới của Đảng thì tình hình thế giới, trong nước xảy ra thêm những biến động. Tháng 6 năm 1940 Pháp đầu hàng Đức, chính phủ phản động Pháp làm tay sai

cho phát xít Hít-le, áp dụng những chính sách cai trị tàn bạo hơn, đối với ba nước ở Đông Dương. Lợi dụng cơ hội này, tháng 9-1940, phát xít Nhật cho quân đội từ miền nam Trung Quốc, vượt qua biên giới bắc Việt Nam để xâm chiếm Đông Dương. Thực dân Pháp ở đây hèn nhát, đầu hàng, mở ngay cửa nước ta cho quân Nhật vào.

Từ đây, nhân dân ta chịu hai tầng xiềng xích áp bức là Pháp và Nhật.

Tiếp đó, tháng 10-1940, theo lệnh phát xít Nhật, bọn phản động Thái Lan tiến đánh Cam -pu-chia. Thực dân Pháp thẳng tay bắt lính người Nam bộ và người Khơ me đi làm bia đỡ đạn cho chúng.

Nhưng cũng từ đây, vốn có truyền thống bất khuất đấu tranh, nay lại được Đảng giáo dục, lãnh đạo, nhân dân ta liên tiếp nổi dậy chống Pháp và Nhật. Chỉ trong một thời gian ngắn, từ tháng 9 năm 1940 dến tháng 1-1941, ba cuộc khởi nghĩa vũ trang đã nổ ra là Bắc Sơn, Nam Kỳ và Đô Lương.

Mở đầu thời kỳ này là cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn. Khi Nhật đánh vào Lạng Sơn, quân Pháp rút chạy qua đường Bắc Sơn về Thái Nguyên. Chính quyền địch ở những nơi này bị tan rã nhanh. Hành động vừa rút chạy vừa cướp bóc của quân Pháp trên dọc đường, làm nhân dân Bắc Sơn căm giận, nổi lên, tước vũ khí của những toán quân đi lẽ để tự vũ trang chiến đấu tự vệ. Nhân thời cơ thuận lợi, Đảng bộ Bắc Sơn quyết định lập Ủy ban khởi nghĩa và ngày 27-9-1940, cuộc khởi nghĩa bùng nổ, đi đến thắng lợi, đập tan bộ máy chính quyền tay sai ở chân lỵ.

Vốn có quan hệ mất thiết nhiều mặt với Bắc Sơn ngay từ những ngày đầu khởi nghĩa cơ sở Đảng và nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai đã kịp thời đẩy mạnh các hoạt động hưởng ứng, mở rộng cơ sở, cử cán bộ, đảng viên lên Bắc Sơn tham gia chiến đấu.

Do nhiều Nguyên nhân khách quan và chủ quan, khởi nghĩa Bắc Sơn không phát triển được. Tuy vậy, khởi nghĩa Bắc Sơn là "tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu đấu tranh bằng võ lực của các dân

tộc Đông Dương" [1]. Nó đã sinh ra đội du kích bắc Sơn, sau này phát triển thành Cứu quốc quân – một trong những lực lượng võ trang tiền thân của quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng - là lực lượng võ trang nòng cốt xây dựng căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai.

Khởi nghĩa Bắc Sơn không thành công, nhưng Hội nghị Trung ương lần thứ 7 họp ở Bắc Ninh đã quyết định: Duy trì lực lượng vũ trang Bắc Sơn, thành lập những đội du kích, dung hình thức vũ trang công tác, khi cần thì chiến đấu chống khủng bố, bảo vệ tài sản tính mạng của nhân dân, phát triển cơ sở cách mạng, tiến tới thành lập căn cứ du kích, ***lấy vùng Bắc Sơn - Võ Nhai làm trung tâm.***

Như vậy, tại hội nghị Trung ương lần thứ 7, thấu suốt quan điểm cách mạng bạo lực; Đây là lần đầu tiên Trung ương Đảng ta thảo luận và thực sự bắt tay vào xây dựng căn cứ địa cách mạng, thực sự bắt tay xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng. Đây cũng là lần đầu tiên, vấn đề khởi nghĩa vũ trang đã được Đảng ta đưa vào chương trình nghị sự trong nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương.

Từ thực tế của khởi nghĩa Bắc Sơn, *quyết định duy trì tiếng súng du kích Bắc Sơn, lấy Bắc Sơn - Võ Nhai làm trung tâm căn cứ địa cách mạng của Đảng tại Hội nghị Trung ương lần thứ 7 đã đưa lịch sử đấu tranh cách mạng của Bắc Sơn - Võ Nhai nói riêng. Bắc Thái nói chung, bước vào thời kỳ mới.*

Là một bộ phận không tách khỏi phong trào chung ngay từ đầu, phong trào cách mạng ở Bắc thái đã được Trung ương Đảng, Xứ ủy Bắc Kỳ dìu dắt, theo dõi, kịp thời tăng cường cán bộ cho phong trào Bắc Sơn - Võ Nhai. Năm 1941, trên đường đi dự Hội nghị Trung ương lần thứ Tám tại Pác Bó (Cao Bằng), một số đồng chí lãnh đạo của Đảng đã dừng chân ở Bắc Sơn, Võ Nhai, chỉ đạo việc duy trì hoạt động của đội du kích, gây được cơ sở cách mạng chống địch khủng bố. Khi trở về, các đồng chí đã truyền đạt cho Ban Chỉ đạo căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai và cho các cán bộ, Đảng viên, chiến sĩ Cứu quốc

[1] Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7, Văn kiện đảng (1939-1945)- Nhà xuất bản Sự thật – Hà Nội 1968, Trang 139

quân và tự vệ các xã lân cận về những chủ trương lớn của Nghị Quyết trung ương lần thứ Tám:

- Lập Mặt trận Dân tộc Thống Nhất Việt Nam chống đế quốc phát xít Pháp, Nhật, lấy tên là Việt Nam độc lập Đồng Minh, gọi tắt là Việt Minh.

- Chọn miền rừng núi Việt Bắc để xây dựng căn cứ vũ trang, lấy Cao Bằng và Bắc Sơn -Võ Nhai làm hai điểm trung tâm và làm bàn đạp phát động đấu tranh vũ trang, thúc đẩy phong trào cách mạng trong cả nước.

- Qua kinh nghiệm Xô Viết Nghệ Tĩnh, khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ, cần phải có những điều kiện cần thiết, lực lượng cần thiết để khi có thời cơ với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần, trong từng địa phương, mở đường cho cuộc tổng khởi nghĩa to lớn.

Nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ 8 đến với cán bộ đảng viên ở Võ Nhai đúng lúc căn cứ du kích Bắc Sơn - Võ Nhai đang khó khăn vì bị địch bao vây, khủng bố. Một bộ phận quân du kích phải vượt vòng vây, rút lên biên giới Việt - Trung. Một bộ phận ở lại, tiếp tục lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống địch khủng bố. Trong hoàn cảnh đó, Nghị quyết mới của Trung ương kịp thời chỉ đạo Đảng bộ Võ Nhai và chiến sĩ Cứu quốc quân còn lại tiếp tục xây dựng quyết tâm chống địch, mở rộng việc xây dựng cơ sở quần chúng, diệt phản động vận động binh lính địch, bảo vệ căn cứ, giữ vững liên lạc với Trung ương ở dưới xuôi…Như vậy là trong năm mở đầu thời kỳ mới 1940-1945, Bắc Thái đã có ngay một vùng đất, cùng với những người con dũng cảm của vùng đất ấy, góp phần vào sự ra đời một căn cứ địa Cách mạng: ***căn cứ địa Việt Bắc.***

2. TRONG SỰ HÌNH THÀNH CĂN CỨ ĐỊA

Với quan điểm cơ bản: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, khởi nghĩa là công cuộc của toàn dân nổi dậy. ***Đảng ta trước hết và triệt để dựa vào nhân dân, xây dựng cơ sở chính trị vững vàng trong nhân dân, tiến lên tổ chức, xây dựng căn cứ địa cách mạng.***

Trong sự hình hình căn cứ địa Việt Bắc, thực tiễn đấu tranh Cách mạng, đấu tranh vũ trang ở Bắc Thái đã đi theo quy luật đó.

Với nhiều hầm mỏ, đồn điền, tập trung khá đông công nhân, bắc Thái là một địa bàn sớm được Đảng ta cử cán bộ, đảng viên đến xây cơ sở chính trị.

Từ năm 1936, Đảng ta gây dựng được cơ sở Cách mạng đầu tiên của Bắc Thái ở xã La Bằng, một xã hẻo lánh miền núi huyện Đại Từ. Đó cũng là thời gian Đảng thành lập được Chi bộ đầu tiên ở xã Vũ Lăng vùng Bắc Sơn (Lạng Sơn). Hai sự kiện này có quan hệ với nhau vì cùng do một cán bộ Đảng về tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện. Từ đó nhanh chóng gây dựng được cơ sở Cách mạng ở Võ Nhai. Tuy gây dựng sau, nhưng phong trào Cách mạng và cơ sở chính trị ở Võ Nhai phát triển nhanh và vững vàng. Võ Nhai lại giữ vị trí án ngữ một chặng đường hiểm yếu trên con đường giao thông liên lạc có ý nghĩa chiến lược giữa Cách mạng Việt Nam với nước ngoài.

Vì thế, đầu năm 1938 đồng chí Hoàng Văn Thụ đã đến Lạng Sơn và Thái Nguyên để kiểm tra các cơ sở đó. Trước khi về Hà Nội, đồng chí Hoàng Văn Thụ mở hẳn một lớp huấn luyện chính trị ở Võ Nhai cho số thanh niên địa phương đã giác ngộ Cách mạng. Tiếp theo đó, Trung ương và Xứ Ủy Bắc Kỳ lần lượt cử cán bộ lên giúp Võ Nhai và Bắc Sơn mở rộng phong trào Cách mạng, đánh thông con đường liên lạc của Đảng từ Hà Nội, qua thái Nguyên, Lạng Sơn ra nước ngoài. Một số thanh nhiên địa phương được kết nạp vào Đoàn Thanh niên Dân Chủ, có đồng chí trở thành người giúp việc tín cẩn của đồng chí phái viên Xứ ủy.

Tại Võ Nhai, cơ sở cách mạng và phong trào cách mạng từ Phú Thượng phát triển rộng ra các xã Lâu Thượng, Tráng Xá, La Hiên…riêng số đảng viên ở các cơ sở này có tới gần ba mươi đồng chí. Cùng thời gian, tổ chức Đảng ở vùng Đại Từ có 6 đảng viên; còn ở vùng Định Hóa có một tổ Đảng ba người, là những đảng viên thoát khỏi các cuộc khủng bố của địch ở miền xuôi, lên đây sinh sống và nối lại được sinh hoạt với Đảng, giữa Võ Nhai, Đại Từ, Định Hóa tuy về danh nghĩa không hình thành một tổ chức thống nhất nhưng thực tế đã có sự chỉ đạo thống nhất mà trung tâm là *Võ Nhai.*

Những cuộc đấu tranh tiêu biểu của tỉnh lúc này, chủ yếu nổ ra ở Võ Nhai, do cơ sở Đảng ở đây lãnh đạo [(1)].

Về mặt xây dựng cơ sở chính trị, mấy huyện phía nam tỉnh như Phú Bình, Phổ Yên ở thời kỳ đầu có khó khan. Sau khi có nghị quyết Trung ương lần thứ tám, phong trào hai huyện chuyển biến rõ nét. Sang năm 1942, ở Phổ Yên có một số đồng chí được kết nạp vào Đảng, Cơ sở Đảng ra đời ở Phổ Yên đánh dấu bước ngoặt mới của phong trào cách mạng vùng phía nam tỉnh ta.(2)

Cùng với Phổ Yên, phong trào cách mạng ở Phú Bình phát triển khá. Nhân dân Phú Bình liên tiếp nổi dậy đấu tranh, nhất là đấu tranh chống địch bắt phu, thu thuế, Nhiều thanh niên ở xã Kha Sơn Hạ, rồi đến Kha Sơn Thượng, xã Mai Sơn, được tuyển chọn vào các đội tự vệ, đảm nhiệm công việc bảo vệ cán bộ Đảng hoạt động ở địa phương, bảo vệ an toàn các cuộc mít tinh của quần chúng, bảo đảm thông tin liên lạc…Đến tháng 3 năm 1943, Chi bộ Đảng đầu tiên ở Phú Bình được thành lập.

Nhận thấy phong trào cách mạng ở Phú Bình, Phổ Yên khá lên, cơ sở Đảng và đoàn thể quần chúng nên đứng vững, vị trí thuận tiện liên lạc với các nơi, cho nên Trung ương Đảng lựa chọn vùng tiếp giáp của ba huyện: Hiệp Hòa (Bắc Giang), Phú Bình, Phổ Yên, để xây dựng khu vực tương đối an toàn, gọi tắt là A.T.K. Việc xây dựng ATK là nhằm tạo nên một vùng đứng chân tương đối ổn định và an toàn cho tổ chức cách mạng. Từ đây, cơ quan chỉ đạo có thể bảo đảm được thông tin liên lạc thông suốt và nhanh chóng với các nơi, các cấp. Điều kiện cần thiết để lập ATK là trong vùng đó *có cơ sở cách mạng, có tổ chức vũ trang tự vệ và có những điều kiện thuận tiện cho việc bảo vệ.*

Từ ngày được chọn làm nơi xây dựng ATK, hai vùng Phú Bình và Phổ Yên đã tỏ ra xứng đáng với sự tin cậy của Trung ương và của Xứ ủy, giữ gìn được an toàn trong thời gian dành cho cơ quan lãnh đạo mở nhiều lớp huấn luyện cán bộ. Nhờ có sự chỉ đạo đúng nên phong trào đã vượt qua khó khăn tiếp tục phát triển đúng hướng.

---

(1) Xem Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái -Tập 1 – Năm 1980, trang 57, 58.
(2) Sách đã dẫn – trang 75-77.

*

* *

Đi đôi với việc xây dựng cơ sở chính trị rộng khắp, theo chủ trương của Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (tháng 5-1941) về tổ chức và xây dựng căn cứ địa cách mạng, từ giữa năm 1941 đến cuối năm 1944, trên địa bàn Bắc Thái đã diễn ra những sự kiện gì? Nói cách khác, trong sự hình thành căn cứ địa Việt Bắc kể từ giữa năm 1941 đến cuối năm 1944, Bắc Thái đã góp phần làm được những gì ?

1. *Đánh du kích, tiêu hao địch, bảo vệ khu căn cứ, phát triển Cứu quốc quân.*

Suốt 8 tháng liền (từ tháng 7 năm 1941 đến tháng 2 năm 1942) căn cứ du kích Bắc Sơn - Võ Nhai đứng trước thử thách rất gay gắt. Thực dân Pháp mở đợt càn quét lớn vào khu căn cứ nhằm tiêu diệt cơ quan chỉ đạo và tiêu diệt Cứu quốc quân, dập tắt tiếng súng Bắc Sơn - Võ Nhai, chấm dứt mối lo âu của chúng đối với ảnh hưởng lan rộng của phong trào cộng sản Đông Dương. Một lực lượng đông tới 4 ngàn quân, đủ cả lính Pháp, lính Lê dương, lính khố đỏ, lính khố xanh, cùng hàng đàn mật thám, cường hào, lính dõng phản động, rầm rộ tiến từ Thái Nguyên lên, từ Lạng Sơn xuống, Từ Bắc Giang sang, thọc sâu vào giữa hai triền núi đá của khu căn cứ, bịt chặt các ngả đường. Đi đến chỗ nào địch tàn bộ đốt sạch làng bản, giết sạch gia súc, phá sạch cây ăn quả…Các cơ sở bí mật của Trung ương và Cứu quốc quân bị uy hiếp nghiêm trọng. So sánh lực lượng địch. Ta lúc này thật quá chênh lệch. Đội du kích Bắc Sơn về sau được đặt tên là Trung đội Cứu quốc quân một, chỉ có hơn 40 người với vài khẩu súng trường, súng kíp, dao găm, mã tấu…Một bộ phận tách ra, về Võ Nhai, tìm đường và đưa được một số đồng chí ủy viên Trung ương về xuôi an toàn. Hai tiểu đội Cứu quốc quân vượt vòng vây, tiến lên phía biên giới, lập căn cứ mới. Bộ phận còn lại do đồng chí Hoàng Quốc Việt chỉ đạo, chuyển xuống Võ Nhai tiếp tục chiến đấu. Qua thử thách số người tham gia chiến đấu không giảm đi, mà lại tăng lên. Ngày 15 tháng 9 năm 1941, tại rừng Khuôn Mánh, thôn Ngọc Mỹ, xã Tràng Xá (Võ Nhai). Trung

đội cứu quốc quân Hai được thành lập, gồm 47 người (có 3 nữ). Những chiến sĩ mới này đều là đội viên tự vệ, đã qua đấu tranh chống địch ở địa phương. Chi bộ Võ Nhai đã cử hầu hết cán bộ, đảng viên của mình vào hàng ngũ.

Giữa vòng vây của địch, Cứu quốc quân Hai vẫn được củng cố tổ chức, học tập chương trình, điều lệ Việt Minh, mười điều kỷ luật và chiến thuật du kích. Lòng yêu nước, chí căm thù giặc được giữ vững, và tình đoàn kết nội bộ làm mỗi người có thêm sức mạnh để tiếp tục chiến đấu, bảo vệ nhân dân. Cứu quốc quân đã đánh nhiều trận dũng cảm, tiêu hao được địch. Sau 8 tháng đánh du kích, đội ngũ Cứu quốc quân từ 47 người phát triển thành 70 người, vũ khí tăng gấp 5 lần, do lấy được của địch.

2. Vừa đánh du kích trong vòng vây của địch vừa tiếp tục mở rộng cơ sở sở chính trị, vận động quần chúng nhân dân đấu tranh.

Một tổ Cứu quốc quân trở lại Bắc Sơn, khơi lại ngọn lửa đấu tranh trong nhân dân. Một tổ đi xuống gây cơ sở ở vùng Yên Thế (Bắc Giang) và Đồng Hỷ (Thái Nguyên), giữ đường dây liên lạc với Trung ương Đảng ở dưới xuôi. Một tổ vượt ra ngoài vòng vây của địch, đi sang Đại Từ, Chợ Chu, Sơn Dương, mở rộng cơ sở quần chúng đấu tranh

Cứu quốc quân luôn luôn bám lấy dân, đến với từng gia đình, từ gia đình này mở sang với gia đình khác. Quân thù đã càn đi quét lại, dồn dân vào một số địa điểm để khủng bố, triệt nơi nương tựa của Cứu quốc quân. Song, nhân dân Bắc Sơn, Võ Nhai không nao núng tinh thần, vẫn chia sẻ với Cứu quốc quân từ hạt muối, tấm áo, que diêm, tờ giấy, vận động viên con, em mình tìm đến Cứu quốc quân, xin được cầm súng giết giặc.

Nhờ dựa được vào dân nên đã gây dựng được cả cơ sở bí mật trong hàng ngũ binh lính địch. Nhiều toán quân đã chống lệnh của chỉ huy, không đánh phá cách mạng hoặc đánh động để quân ta biết, có cớ cho chúng bỏ dở cuộc vây càn.

3.Phân tán trong dân để mở rộng địa bàn hoạt động

Đến tháng 2 năm 1942, nhận thấy phong trào đấu tranh cách mạng trong cả nước chưa lên mạnh, phong trào đấu tranh chính trị ở vùng Bắc Sơn - Võ

Nhai cũng chưa phát triển được, vì quân địch tập trung lực lượng khủng bố rất tàn bạo nên Ban chỉ đạo Khu căn cứ đã phân tán một phần Cứu quốc quân vào trong nhân dân vũ trang tuyên truyền, tiếp tục gây cơ sở quần chúng. Bộ phận này biết cách hoạt động nên đến cuối năm 1942 đã mở rộng được thêm nhiều cơ sở ở các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn; còn một bộ phận gồm 42 người, rút lên vùng biên giới để chấn chỉnh tổ chức, sắm thêm vũ khí. Về sau, đưa được mấy tổ bí mật trở về, gây cơ sở ở vùng Đồng Đăng, Thất Khê, Na Sầm (Lạng Sơn).

Tám tháng hoạt động du kích ở Bắc Sơn - Võ Nhai cho thấy dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta có thể lập được căn cứ địa ở nông thôn miền núi, có thể đánh du kích như thế nào, để tiêu hao địch và giữ gìn lực lượng ta. Tuy nhiên, đây mới là chiến đấu du kích trên một địa bàn, một vùng chưa có sự kết hợp đấu tranh chính trị rộng rãi của quần chúng nhân dân trong vùng. Phong trào chung cả nước chưa lên, kẻ thù có thể dồn quân về khủng bố dài ngày. So sánh lực lượng đôi bên quá chênh lệch: cuộc chiến đấu muốn thắng lợi còn phải liên lạc, phối hợp được với các khu căn cứ khác để "làm cho chiến tranh du kích sinh sôi nảy nở thành cuộc khởi nghĩa của nhân dân toàn xứ" như nhận định của Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã nêu rõ ngày 28-2-1943.

4. Sau hội nghị Lũng Hoài (Cao Bằng) đầu năm 1943, *Cứu quốc quân trở về căn cứ, củng cố phong trào, mở đường liên lạc với căn cứ Cao Bằng, làm cho hai khu căn cứ dựa vào nhau,* từng bước mở rộng địa bàn hoạt động ra cả Việt Bắc. Vì sao có sự kiện này? Trước hết vì thời gian căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai tiến hành hoạt động du kích, cũng là thời gian trên Cao Bằng xúc tiến việc xây dựng căn cứ cách mạng để chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. Từ sau hội nghị Trung ương lần thứ Tám, hai khu căn cứ Cao Bằng và Bắc Sơn- Võ Nhai chưa có dịp được trao đổi kinh nghiệm. Ai cũng biết Cao Bằng là một tỉnh có phong trào cách mạng từ sớm. Ngay sau khi Đảng Cộng Sản Đông Dương được thành lập, một chi bộ đầu tiên của Cao Bằng đã ra đời. Cuối năm 1940, đồng chí Nguyễn Ái Quốc - tức Chủ tịch Hồ Chí Minh - về đến Tĩnh

Tây (Trung Quốc). Trước những biến chuyển to lớn ở thế giới và trong nước. Người tìm cách về nước hoạt động. Tại đây, Người đã nói với một số đồng chí về vị trí quan trọng của Cao Bằng, của Thái Nguyên, tức là của cả Việt Bắc sau này: "Căn cứ địa Cao Bằng sẽ mở ra triển vọng lớn cho cách mạng ta. Cao Bằng có phong trào tốt từ trước, lại kề sát biên giới, lấy đó làm cơ sở liên lạc quốc tế rất thuận lợi. Nhưng từ Cao Bằng còn phải phát triển về Thái Nguyên và thông xuống nữa mới có thể tiếp xúc với toàn quốc được. Có nối phong trào được với Thái Nguyên và toàn quốc thì khi phát động đấu tranh vũ trang, lúc thuận lợi có thể tấn công, lúc khó khăn có thể giữ" [(1)]

Đầu tháng 12-1940, Trung ương Đảng cử đồng chí Hoàng Văn Thụ tới Tĩnh Tây báo cáo tình hình với đồng chí Nguyễn Ái Quốc và xin ý kiến về việc triệu tập hội nghị Trung ương Đảng.

Tiếp đó, tại một làng sát biên giới Việt - Trung, đồng chí Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện cho 40 cán bộ Cao Bằng, bồi dưỡng cho họ về tình hình, nhiệm vụ cách mạng Việt Nam, về các tổ chức các đoàn thể cứu quốc và phương pháp công tác quần chúng gồm 5 bước: điều tra, tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện, đấu tranh. Những bài giảng này sau được in thành sách với nhan đề "*Con đường giải phóng"* để làm tài liệu huấn luyện và tuyên truyền về đường lối cách mạng và phương pháp công tác của người cán bộ cách mạng.

Sau lớp học, số cán bộ đó tổ chức được đường liên lạc về nước, củng cố và mở rộng phong trào cách mạng ở Cao Bằng. Tháng 2 năm 1941, đồng chí Nguyễn Ái quốc về ở tại Pác Bó (Cao Bằng), trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng thí nghiệm Mặt trận Việt Minh. Từ một vài xã "Hoàn toàn". Việt Minh, đã phát triển đến những tổng "Hoàn toàn" Việt Minh. Tất cả nhân dân được tổ chức vào các hội Cứu quốc. Bọn phản động bị nhân dân giám sát chặt chẽ. Ban Việt Minh xã đứng ra giải quyết công việc cho nhân dân như một hình thức "Chính quyền" ở nông thôn bấy giờ. Tại các xã này đều có Chi bộ Đảng, tuyển lựa từ các hội viên trung kiên và các đội tự vệ chiến đấu, chọn những

[(1)] Võ Nguyên Giáp: "Từ nhân dân mà ra" Nhà xuất bản quân đội nhân dân Hà Nội 1969 – trang 33.

người dũng cảm nhất trong xã. Phong trào học tập quân sự, chính trị ở những xã đó lên rất mạnh. Các hội Cứu quốc và quần chúng tự sắm vũ khí.

Sang năm 1942, ở Cao Bằng đã có những châu "Hoàn toàn" Việt Minh. Trong lịch sử, đây là một hiện tượng độc đáo của quá trình xây dựng cơ sở chính trị và tổ chức căn cứ địa cách mạng. Phong trào xây dựng xã, tổng và châu "Hoàn toàn" Việt Minh lan sang Bắc Cạn, Lạng Sơn.

Qua năm 1942, đầu năm 1943, phong trào Việt Minh tuy phát triển nhưng chưa đều, nhưng nhìn chung cả Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ đều đi lên với những cuộc đấu tranh dưới nhiều hình thức từ thấp đến cao.

Vì thế, đầu tháng 2 -1943. Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định củng cố và phát triển Mặt Trận Việt Minh, ra sức chuẩn bị khởi nghĩa.

Khi phong trào Việt Minh phát triển rộng thì việc giao thông liên lạc giữa đồng chí Nguyễn Ái Quốc với Trung ương Đảng ở vùng xuôi, giữa Trung ương với các địa phương, các căn cứ, đòi hỏi phải nhanh chóng hơn nhiều. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã nhấn mạnh: "Việc liên lạc là một việc quan trọng bậc nhất trong công tác cách mạng, vì chính nó quyết định sự thống nhất chỉ huy, sự phân phối lực lượng và do đó bảo đảm thắng lợi".

Tháng 7 năm 1942, Người chỉ thị thêm về việc mở rộng căn cứ địa Cao Bằng và phải khẩn trương mở những con đường giao thông liên lạc quần chúng, nối liền Cao Bằng với căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai cùng các tỉnh lân cận. Có như thế mới hình thành căn cứ địa rộng lớn ở Việt Bắc.

Những chỉ thị trên đã được thảo luận và giải quyết ở hội nghị giữa Ban lãnh đạo căn cứ địa Cao Bằng và căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai, họp tại Lũng Hoài (Cao Bằng) tháng 2 năm 1943. Sau hội nghị, một mặt, từ Cao Bằng, công tác mở đường từ Bắc Cạn, Thái Nguyên được xúc tiến với các đội "Nam tiến". Mặt khác Cứu quốc quân trở về căn cứ cũ, nối lại liên lạc với Trung ương Đảng ở dưới xuôi, Đồng thời Cứu quốc quân từ Võ Nhai, Bắc Sơn cũng tổ chức các mũi tiến lên Bắc Cạn, Cao Bằng.

Vào thời gian đầu năm 1943, ở vùng 7 xã bắc Đại Từ, đều đã có cơ sở cách mạng. Các cơ sở này có quan hệ nương tựa, hỗ trợ với phong trào huyện

Định Hóa và huyện Sơn Dương (Tuyên Quang). Trên phần đất tiếp giáp 3 huyện này là vùng Núi Hồng. Nửa đầu năm 1943, nhiều xã vùng chân núi Hồng lập được Ban Việt Minh. Một trung tâm căn cứ địa mới giữa ba huyện: Đại Từ, Định Hóa, Sơn Dương, hình thành.

Do địa thế hiểm, cơ sở chính trị vững, lực lượng tự vệ và tự vệ chiến đấu khá, vùng Núi Hồng trở thành một căn cứ mới, một đất đứng chân xuất phát thuận lợi của các đội làm nhiệm vụ tiến lên Bắc Cạn, Cao Bằng.

Sau 7, 8 tháng kiên trì, vừa xây dựng cơ sở quần chúng, vừa tạo đường hành lang chính trị, khoảng tháng 8 -1943, con đường "Nam tiến" và con đường liên lạc của Cứu quốc quân về phía Cao Bằng được đánh thông. Các đội đi mở đường gặp nhau tại xã Nghĩa Ta (Chợ Đồn -Bắc Cạn).

"Con đường quần chúng cách mạng" ôm vòng lấy Cao Bắc Lạng xuống Thái Nguyên rồi về xuôi, con đường mà đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã vạch ra, đến đây, được hình thành. Hai khu căn cứ Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai được mở rộng, dựa vào nhau, tạo thành thế liên hoàn chiến đấu, tiến có thể đánh, lui có thể giữ.

Phong trào quần chúng được mở rộng hơn trước, hình thành ba trung tâm căn cứ địa: Trung tâm Cao Bằng do đồng chí Hồ Chí Minh trực tiếp chỉ đạo, xây dựng, trung tâm căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai ra đời và phát triển sau khởi nghĩa Bắc Sơn và trung tâm Định Hóa, Đại Từ, Sơn Dương hình thành trong quá trình vận động cách mạng trong những năm 1942 -1943. Khu An Toàn 2 của Trung ương cũng hình thành và mở rộng địa bàn hoạt động.

Các lực lượng vũ trang cũng phát triển. Ngày 25 tháng 2 năm 1944 lại có thêm một trung đội Cứu quốc quân 3 được thành lập ở Khuổi Kịch, Châu Sơn Dương (Tuyên Quang). Đội này gồm những chiến sĩ Cứu quốc quân hoạt động ở Đại Từ, Bắc Cạn, Tuyên Quang, Vĩnh Yên[(1)].

Đến giữa năm 1944, ngoài mấy căn cứ địa ở Việt Bắc, Đảng đã chỉ đạo việc chuẩn bị xây dựng căn cứ du kích Hòa - Ninh - Thanh ở vùng tiếp giáp 3 tỉnh Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa.

[(1)] Xem: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái tập I – 1980- Trang 105, 106

5. Tích cực *"Sắm vũ khí, đuổi thù chung"*. Xem xét tình hình chung các mặt, ngày 10 tháng 8 năm 1944. Trung ương Đảng kêu gọi các địa phương tăng cường mọi mặt sửa soạn khởi nghĩa và hãy kíp "Sắm vũ khí, đuổi thù chung".

Trên địa bàn Bắc Thái, công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa được đẩy lên sôi nổi hơn trước.

Cuối năm 1944, phong trào cách mạng ở Bắc Sơn - Võ Nhai lên mạnh. Thực dân Pháp lại mở cuộc càn quét lớn, khủng bố trắng lần thứ ba rất tàn bạo vào khu căn cứ này. Chiến tranh du kích một lần nữa lại được phát động ở đây. Vì cả nước chưa ở vào tình thế trực tiếp cách mạng nên cuộc chiến đấu ở Võ Nhai cô độc, mất dần thế chủ động tiến công địch. Ban thường vụ Trung ương Đảng đã chỉ rõ ưu điểm của cuộc chiến đấu này là gây được tiếng vang trong cả nước, cổ vũ phong trào "sắm vũ khí, đuổi thù chung" phát triển ở những nơi đang ráo riết chuẩn bị khởi nghĩa. Nhưng sai lầm là, đáng lẽ trong tình hình cụ thể lúc này chỉ nên vận động quần chúng đấu tranh chống địch dưới những hình thức thông thường, thì lại phát động chiến tranh du kích, "làm vườn không nhà trống" đưa quần chúng vào rừng. Ngay sau đó, phải chuyển cuộc đấu tranh vũ trang bằng những hình thức thông thường chống địch khủng bố, để bảo toàn lực lượng của ta, nuôi dưỡng phong trào cách mạng, tiếp tục chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa sau này.

Cũng vào cuối 1944, nhân dân Cao -Bắc-Lạng đã biểu thị đến mức cao lòng căm thù địch. Liên tỉnh ủy Cao, Bắc, Lạng đang chuẩn bị họp để quyết định phát động cuộc chiến tranh du kích trên địa bàn Cao -Bắc -Lạng thì đồng chí Hồ chí Minh về nước. Sau khi xem xét các mặt. Người đã chỉ hoãn cuộc khởi nghĩa, bởi vì lúc này "***Chính trị còn trọng hơn quân sự", "phải làm sao cứ hoạt động vũ trang mà dân ở đâu cứ ở đấy sản xuất, chỉ cần tăng cường cảnh giác đề phòng, không để địch bắt hại những người hoạt động".***

Chỉ thị sáng suốt trên đây tránh cho Cao – Bắc- Lạng những tổn thất lúc này. Tiếp đó, đồng chí Hồ Chí Minh chỉ thị thành lập đội "***Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân",*** nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Tuy ngắn, gọn

nhưng nội dung chỉ thị rất xúc tích bao gồm những vấn đề chủ yếu về đường lối quân sự của Đảng như vấn đề ***kháng chiến toàn dân, động viên toàn dân, và vũ trang toàn dân,*** nguyên tắc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, phương châm xây dựng ba thứ quân, phương thức hoạt động kết hợp quân sự với chính trị của lực lượng vũ trang, nguyên tắc tác chiến và chiến thuật du kích của lực lượng vũ trang. Đến đây, ở Cao -Bắc- Lạng xuất hiện ba hình thức tổ chức của lực lượng vũ trang nhân dân. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là chủ lực, các đội vũ trang ở châu và các đội tự vệ nửa vũ trang ở xã.

Ra đời trong một thời gian ngắn, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã đánh thắng liền mấy trận và bằng công tác vũ trang tuyên truyền, đội đã tạo nên một khu vực có cơ sở cách mạng rộng lớn, từ vùng rừng núi Hòa An, giáp tỉnh Lỵ Cao Bằng cho đến các châu Nguyên Bình, Ngân Sơn, Chợ Rã và vùng phụ cận các triền núi Phia Uắc, Phia Dạ, Phia Bjooc. Những thắng lợi mới cả về chính trị và quân sự của đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân góp phần tích cực vào việc củng cố và mở rộng căn cứ địa Cao - Bắc-Lạng, cổ vũ mạnh mẽ nhân dân ta trên con đường tiến lên khởi nghĩa vũ trang cách mạng.

III TRONG KHU GIẢI PHÓNG

1. KHU GIẢI PHÓNG VIỆT BẮC

Từ giữa năm 1944, tình hình thế giới biến chuyển nhanh hơn trước. Hồng quân Liên Xô tổng tiến công thắng lợi trên các mặt trận, giải phóng các nước đông nam Châu Âu. Đầu năm 1945, Hồng quân tiến đánh Béc Lanh. Tại Thái Bình Dương, phát xít Nhật thua liên tiếp. Quân đội Đồng Minh sớm muộn sẽ vào Đông Dương. Trước tình hình này, phát xít Nhật phải đảo chính hất cẳng thực dân Pháp, độc chiếm Đông Dương.

Tháng 10 năm 1944, đồng chí Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào toàn quốc : ***"phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt, các đồng minh quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời cơ rất gấp, ta phải làm nhanh".***

Đúng như dự đoán của Đảng ta, ngày 9-3-1945, quân pháp đầu hàng giặc Nhật trên toàn cõi Đông Dương. Một số quan, quân Pháp chạy trốn sang Trung Quốc và Thái Lan.

Ngay trong đêm 9-3-1945, tại làng Đình Bảng (Bắc Ninh) gần Hà Nội, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã nhận địnhh ngay là cuộc đảo chính này tạo nên khủng hoảng chính trị trầm trọng và làm cho điều kiện khởi nghĩa vũ trang của nhân dân ta mau chóng đi tới chỗ chín muồi. Vì vậy, Đảng quyết định phát động cao trào chống Nhật, cứu nước, làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa và sẵn sàng chuyển sang hình thức tổng khởi nghĩa khi có đủ điều kiện. Phải nhanh chóng thay đổi mọi hình thức tuyên truyền, tổ chức, đấu tranh cho thích hợp với thời kỳ tiền khởi nghĩa, tập dượt cho quần chúng cách mạng tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền.

Muốn phát động được cao trào cách mạng. Đảng ta chủ trương ***phải đáp ứng đúng nguyện vọng cấp bách*** *nhất của quần chúng lúc này, do đó,* khẩu hiệu "***phá kho thóc, giải quyết nạn đói***" được kịp thời đề ra. Khẩu hiệu sát,

đúng với tình hình cụ thể lúc này đã làm dấy lên một phong trào phá kho thóc cứu đói ở khắp các tỉnh miền Bắc. Hàng triệu quần chúng cách mạng đã đi từ hình thức đấu tranh thấp đến hình thức đấu tranh cao, từ đấu tranh cho quyền lợi kinh tế hàng ngày đến giác ngộ chính trị, đánh đổ chính quyền đế quốc, tay sai.

Tiếp theo đó, ngày 15 tháng 4 năm 1945. Ban Thường vụ Trung ương Đảng mở hội nghị quân sự Bắc Kỳ, họp tại Hiệp Hòa (Bắc Giang) do đồng chí Trường Chinh chủ trì. Hội nghị đặt nhiệm vụ quân sự lên trên tất cả các nhiệm vụ quan trọng và cần kíp lúc này. Đó là nhiệm vụ phát triển chiến tranh du kích, xây dựng căn cứ địa chống Nhật, chuẩn bị gấp cho cuộc tổng khởi nghĩa.

Đã đến lúc phải phát triển mạnh lực lượng vũ trang và thống nhất Cứu quốc quân với Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân thành *Việt Nam giải phóng quân* để cùng nhân dân các địa phương khởi nghĩa từng phần tiến đến tổng khởi nghĩa. Trước tình hình nhiệm vụ mới. Việt Nam giải phóng quân cần được thống nhất biên chế, huấn luyện chính trị - mở trường quân chính chống Nhật, thu nhặt, mua sắm vũ khí, lập xưởng sửa chữa vũ khí, chế tạo súng, đạn - tích trữ lương thực, lập kho thóc giải phóng quân ở các xã.

Để thống nhất chỉ đạo, thành lập 7 chiến khu trong cả nước, ***đồng thời phải đánh thông liên lạc giữa các chiến khu ở Bắc Kỳ và Trung kỳ, Nam Kỳ,*** những căn cứ địa chống Nhật phải được giữ vững để làm bàn đạp cho cuộc khởi nghĩa từng phần ở từng địa phương, tiến lên tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trên cả nước.

Đầu tháng 5 năm 1945, đồng chí Hồ Chí Minh về đến Tân Trào (Tuyên Quang), nơi được chọn làm căn cứ chỉ đạo cách mạng cả nước và nơi chuẩn bị họp đại hội quốc dân, theo thư kêu gọi của Người từ tháng 10 năm 1944. Sau khi nghe báo cáo tình hình. Người chỉ thị: Vùng giải phóng miền núi phía bắc đã bao gồm hầu hết các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, và một số vùng lân cận gồm một bộ phận các tỉnh Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên. Địa thế nối liền nhau, cho nên

cần thành lập một khu căn cứ cách mạng rộng lớn, lấy tên là khu giải phóng. Thực hiện chỉ thị của người

…Ngày 4 tháng 6 năm 1945, Khu giải phóng Việt Bắc được thành lập, đặt dưới sự lãnh đạo của Ủy ban chỉ huy lâm thời.

Khu giải phóng Việt Bắc rộng 4 vạn ki lô mét vuông. Gồm hơn một triệu đồng bào các dân tộc, trở thành căn cứ địa của cả nước. Trong khi cả nước vẫn do chính quyền phản động, tay sai của phát xít Nhật chiếm đóng, việc hình thành khu giải phóng Việt Bắc, chứng tỏ vào lúc này, chính quyền của nhân dân đã ra đời, tuy mới ở một phần đất Bắc Bộ, phạm vi hoạt động còn nhỏ nhưng nó đang phát triển thắng lợi.

2. BẮC THÁI TRONG KHU GIẢI PHÓNG VIỆT BẮC

Những nghị quyết hành động của Đảng trong thời kỳ "Tiền khởi nghĩa", thời kỳ giành chính quyền bộ phận trong từng địa phương đã tác động trực tiếp nhanh chóng đến tình hình Bắc Cạn và Thái Nguyên.

Dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy lâm thời Bắc Cạn, Ban chỉ huy Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, Ban lãnh đạo chiến khu Hoàng Hoa Thám, Ban cán sự ATK nhân dân các dân tộc ở Bắc Thái đã chớp lấy thời cơ cụ thể ở địa phương, vùng dậy, xóa chính quyền địch, lập chính quyền ta, góp phần tích cực và có hiệu quả vào sự hình thành và bảo vệ Khu giải phóng Việt Bắc.

Ngoài những việc chung mà các địa phương ở Việt Bắc đều làm. Bắc Thái đã đưa vào lịch sử Khu Giải phóng Việt Bắc những phần đóng riêng của tỉnh ở thời kỳ này.

a) Ngay sau ngày Nhật đảo chính Pháp. Lực lượng vũ trang tỉnh mở một loạt hoạt động nhằm xóa chính quyền địch, lập chính quyền cách mạng.

Một điểm riêng ở Bắc Thái là cho đến ngày 9-3-1945, chưa có tên phát xít Nhật nào đến đóng tại thị xã Bắc Cạn và Thái Nguyên. Vậy mà, vừa nghe tin Nhật đảo chính, quân Pháp ở hai nơi đó vội bỏ chạy. Bộ máy cai trị của Pháp bị tê liệt. Phát xít Nhật chiếm Thái Nguyên, Bắc Cạn hầu như không cần

nổ phát súng nào. Tận dụng thời cơ thuận lợi, lực lượng vũ trang cách mạng trên địa bàn tỉnh, lập tức tiến công địch, xóa bỏ chính quyền phản động tay sai, lập chính quyền nhân dân ở các châu, huyện…

Tại Võ Nhai, đêm 20-3-1945, quân ta giải phóng La Hiên, xóa bỏ bộ máy chính quyền tay sai của địch. Ngày 21 tháng 3 năm 1945, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại đây, Ủy ban nhân dân lâm thời châu ra mắt quần chúng. Đây là chính quyền cách mạng ở cấp châu được thành lập sớm nhất trong tỉnh.

Tiếp đó, chỉ trong 20 ngày cuối tháng 3 -9-1945, lực lượng vũ trang cùng nhân dân vùng dậy, xóa chính quyền địch, lập chính quyền cách mạng ở các huyện Ngân Sơn, Chợ Rã, Định Hóa, Chợ Đồn, Đại Từ, Phổ Yên, Phú Bình, Bạch Thong, Phú Lương, Đồng Hỷ….

b) Ngày 15 tháng 5 năm 1945, ***lễ thống nhất cá lực lượng vũ trang được tổ chức tại Định Biên Thượng, Định Hóa (Thái Nguyên)***

Đến cuối tháng 4-1945, việc xóa bỏ chính quyền địch lập chính quyền cách mạng, làm cho một khu vực rộng lớn, gồm gần hết các xã, châu, huyện ở Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hà Giang được giải phóng. Các đội cứu quốc quân và Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân gặp nhau ở các địa điểm: Chợ Chu, Đại Từ (Thái Nguyên), Chợ Đồn (Bắc Cạn), Đầm Hồng, Chiêm Hóa, Sơn Dương (Tuyên Quang), Văn Mịch (Lạng Sơn).

Đó là những ngày vui lớn, ngày Hội giải phóng quê hương. Trong niềm vui chung ấy, ngày 15-5-1945, hội nghị thống nhất hai lực lượng Cứu quốc quân và Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được tổ chức tại Định Biên Thượng (Định Hóa).

Sự kiện quan trọng này đánh dấu bước phát triển mới của phong trào đấu tranh cách mạng, đấu tranh vũ trang ở Việt Bắc và ở cả nước ta.

Bắc Thái trở thành một trong những địa bàn hoạt động chính trị của Việt Nam giải phóng quân lúc này không còn chỉ là một vài trung đội, đại đội, mà đã phát triển thành 13 đại đội. Đó là bộ đội, chủ lực, ngoài ra ở một số tỉnh,

huyện tại Việt Bắc cũng tổ chức ra những trung đội, đại đội giải phóng quân khác. Tất cả đều đã trải qua rèn luyện, thử thách trong đấu tranh cách mạng, đấu tranh vũ trang.

c) Đầu tháng 5 năm 1945, đồng chí Hồ Chí Minh từ Cao Bằng đi theo con đường "Nam Tiến, con đường dựa vào các cơ sở quần chúng cách mạng - về tới xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Người đã dừng chân nghỉ lại ở một số bản thuộc Ngân Sơn. Chợ Rã, Chợ Đồn…Vì phải giữ gìn bí mật nên đồng chí Hồ Chí Minh phải đóng vai một ông già người Nùng cùng anh em đi công tác qua địa phương. Các cán bộ trên dọc đường chỉ biết đấy là bộ đội "Ông Kế". Hễ "Ông Kế" nghỉ ở cơ sở nào là ở đấy không ngăn được hội viên cứu quốc và đồng bào địa phương đến thăm hỏi. Qua những câu chuyện rất bình thường. Người đã nhắc nhở đồng bào các dân tộc đoàn kết, tăng gia sản xuất, học văn hóa, tham gia sinh hoạt đoàn thể, bảo đảm giao thông liên lạc, củng cố chính quyền mới thành lập, hết sức săn sóc lực lượng vũ trang…Sau đó, những điều căn dặn của đồng chí Hồ Chí Minh được Tỉnh ủy (lâm thời) Bắc Cạn đem ra thảo luận và tìm cách thực hiện.

d) Chiến đấu bảo vệ Khu giải phóng Việt Bắc

Ngay từ ngày mới đặt chân đến Lạng Sơn, bọn phát xít Nhật đã vấp phải sức kháng cự của quân du kích và nhân dân Bắc Sơn, Võ Nhai. Đến lúc này, căn cứ địa Việt Bắc đã rộng lớn. Mặt trận Việt Minh và giải phóng quân có uy tín khiến chúng phải lo đối phó.

Trung tuần tháng 5 năm 1945, quân đội Nhật huy động 2000 tên có bọn tay sai thông thạo địa hình đưa đường, mở cuộc tiến công lớn vào vùng giải phóng. Chúng dùng nhiều mũi tiến quân nhằm chia cắt vùng giải phóng ra nhiều mảnh, rồi bao vây, tiêu diệt, giải phóng quân và cơ quan lãnh đạo cách mạng. Từ Bắc Cạn chúng tiến lên Chợ Rã, sang Chợ Đồn; từ Vĩnh Yên chúng kéo lên Thiện Kế, Sơn Dương; từ Tuyên Quang chúng tiến lên Thanh La; từ Thái Nguyên, Phấn Mễ, Chợ Mới chúng đánh vào Chợ Chu, Đại Từ. Chúng thẳng tay chém giết nhân dân, đốt phá làng bản, uy hiếp căn cứ Núi Hồng - Tân Trào trung tâm của Khu giải phóng. Giải phóng quân và nhân dân các

dân tộc trong khu giải phóng được lệnh kiên quyết tiến công quân Nhật bằng chiến thuật du kích ở khắp nơi có địch; phá hoại, đường giao thông, cắt đứt đường liên lạc, tiếp tế, làm vườn không nhà trống, quấy rối, tập kích, phục kích…Bắc Cạn, Chợ Chu, Đèo Chắn, Đình Cả cũng là những nơi đã có những cuộc chiến đấu gây thiệt hại cho địch. Ngày 16 tháng 7 năm 1945, Giải phóng quân đánh tiêu diệt đồn Tam Đảo trên đỉnh núi cao, có 20 tên Nhật và 70 lính khố xanh. Được binh lính giác ngộ từ trong đồn phối hợp, giải phóng quân tiến công ban ngày, sau 2 giờ chiến đấu, bọn Nhật bị tiêu diệt, ta bắt sống một quan tư, một lính Nhật.

Cuộc chiến đấu của các lực lượng vũ trang và nhân dân trong khu giải phóng làm thất bại cuộc càn quét lớn của quân Nhật. Từ tháng 7 năm 1945, quân Nhật buộc phải rút dần, những vị trí nhỏ, lẻ co về giữ thị trấn, thị xã, huyện lỵ.

Cũng trong tháng 7 và 8 năm 1945, Giải phóng quân, tự vệ, nhân dân ở những vùng có quân Nhật chiếm đóng, tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quấy rối, phục kích, bao vây, uy hiếp… làm cho quân Nhật rơi vào tình thế bị cô lập trên từng địa bàn.

d) Kịp thời đứng dậy "Đem sức ta mà tự giải phóng cho ta"

Lúc cả nước ta và Khu giải phóng Việt Bắc sôi sục tinh thần cách mạng là lúc chiến tranh thế giới đi vào những ngày kết thúc. Ngày 7 tháng 5 năm 1945, phát xít Đức Ý đầu hàng Đồng Minh. Ngày 8 tháng 8 năm 1945, Hồng quân Liên Xô đánh tan đạo quân Quan Đông của phát xít Nhật.

Ngày 13 tháng 8 năm 1945, Đảng ta mở hội nghị cán bộ toàn quốc tại Tân Trào (Tuyên Quang). Đang họp thì được tin quân Nhật đầu hàng Đồng Minh.

Đây là cơ hội rất tốt cho ta.

Tình thế vô cùng khẩn cấp. Hội nghị quyết định phát động tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trong cả nước. Ngay đêm 13 tháng 8 năm 1945. Ủy ban khởi nghĩa ra quân lệnh số 1.

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết lời kêu gọi đồng bào cả nước: "Hãy đứng dậy, đem sức ta mà tự giải phóng cho ta".

Bão táp cách mạng Tháng Tám nổi lên khắp nơi trong cả nước. Được tin chính phủ nhật đã đầu hàng Đồng Minh, quân Nhật đóng ở Bắc Cạn tìm cách điều đình với chính quyền cách mạng. Quân giải phóng vào chiếm thị xã. Ngày 23 tháng 8 năm 1945, quân Nhật rút khỏi thị xã Bắc Cạn. Ngay hôm ấy, hội nghị lãnh đạo tỉnh đã họp và quyết định những công tác khẩn cấp trước mắt.

Thị xã Thái Nguyên là một thành phố quan trọng, án ngữ phía nam Việt Bắc, một bàn đạp tỏa đi vùng trung châu Bắc Bộ, một vị trí yết hầu đổ về Hà Nội. Sau cuộc càn quét thất bại vào khu giải phóng hồi tháng 5- 1945, quân đội Nhật bố trí phòng thủ thị xã Thái Nguyên như một điểm chốt mạnh, nhằm uy hiếp Khu Giải phóng. Lực lượng địch ở đây có khoảng 120 tên lính Nhật, 400 lính bảo an và có khoảng 600 súng trường, súng máy. Được trang bị mạnh, lại dựa vào lô cốt, hầm hào kiên cố, quân Nhật tỏ ra ngoan cố, chiếm giữ thị xã.

Thực hiện lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, giải phóng quân từ Tân Trào tiến về Thái Nguyên, ngày ngày 19 tháng 8 năm 1945, về tới xã Thịnh Đán (Đồng Hỷ).

Vào lúc này, được lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, các châu, các huyện đưa phần lớn tự vệ về thị xã phối hợp chiến đấu với quân giải phóng. Huyện Phú Bình đưa 2 đại đội tự vệ. Nhân dân huyện Đồng Hỷ cung cấp lương thực, thực phẩm và đưa tự vệ đến phối hợp. Một đội vũ trang tuyên truyền từ Võ Nhai về Đồng Bẩm hoạt động, bắt mối vào nội thị. Nhiều thanh niên thị xã được giác ngộ, đã hăng hái tham gia công tác tuyên truyền vận động nhân dân sẵn sàng đứng lên hưởng ứng lệnh khởi nghĩa. Mới 5 giờ sáng ngày 19 tháng 8 năm 1945, nhân dân Đồng Bẩm đã xuống đường tuần hành. Không khí trong thị xã lâu nay ngột ngạt, nặng nề, bỗng náo nức, sôi động lạ thường. Những đoàn người rầm rập diễu hành qua các đường phố chính, hô vang khẩu

hiệu: "Đả đảo phát xít Nhật". "Ủng hộ Việt Minh". Quân địch hoang mang, không dám có phản ứng.

Trong ngày 19-8-1945, lực lượng tự vệ huyện Phú Bình chiếm xong đồn điền Gia Sàng, trừng trị bọn tay sai, chặn cửa ngõ đông nam thị xã, cắt đường liên lạc của quân Nhật từ Thái Nguyên về Hà Nội. Trên các ngả đường khác đổ vào thị xã có lực lượng tự vệ các nơi kéo đến, phối hợp chiến đấu với quân giải phóng.

Lần đầu tiên, quân giải phóng tập trung nhiều người đánh vào một thị xã có đông quân địch phòng ngự trong công sự. Biết là có khó khăn nhưng căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể lúc này, quân thù đang bối rối, Bộ Chỉ huy quân giải phóng đã kiên quyết nổ súng tiến công các doanh trại quân Nhật. Cuộc chiến đấu kéo dài từ sáng sớm đến chiều, từ tập kích chuyển sang bao vây, đánh địch ngay trên đường phố. Nhân dân sát cánh cùng quân giải phóng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung, làm chủ thành phố.

Ngày 20-8-1945, trong lúc cuộc bao vây, tiến công quân Nhật đang diễn ra ác liệt thì một cuộc mít tinh quần chúng được tổ chức trọng thể tại sân vận động: Ủy ban khởi nghĩa chính thức tuyên bố xóa bỏ chính quyền bù nhìn do Nhật dựng lên và giới thiệu Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh Thái Nguyên nhận nhiệm vụ của cách mạng giao cho[1]

Cuộc vây đánh tỉnh lỵ thái Nguyên giành được thắng lợi là vì giải phóng quân đã biết phối hợp chặt chẽ với lực lượng chính trị của nhân dân trong và ngoài thị xã, đánh địch bằng quân sự, bằng nổi dậy của đông đảo quần chúng cách mạng và bằng cả công tác vận động binh lính địch.

Từ thực tiễn khởi nghĩa vụ trang ở Thái Nguyên những ngày sau đó đã có thêm hai chi đội Giải phóng quân được thành lập.

[1] Cuộc bao vây tiến công quân Nhật kéo dài đến ngày 20-8-1945, khi đại diện ta và Nhật từ Hà Nội lên truyền lệnh ngừng bắn, đã cho quân Nhật rút lui an toàn về Hà Nội (B.T)

Để bảo vệ những thành quả to lớn vừa đạt được. Đảng bộ Bắc Cạn và Thái Nguyên lập tức tập trung mọi cố gắng vào việc xây dựng sự lãnh đạo của Đảng và củng cố chính quyền cách mạng.

Ở Bắc Cạn, ngày 23 tháng 8 năm 1945, hơn 30 đại biểu gồm các đồng chí trong Ban Chấp hành Tỉnh đảng bộ lâm thời, Tỉnh bộ Việt Minh, chỉ huy quân giải phóng và đại diện các châu trong tỉnh về họp hội nghị cán bộ tại Phủ Thông (Bạch Thông). Những công tác trước mắt được đề ra.

Ở Thái Nguyên, vấn đề kiện toàn bộ máy lãnh đạo của Đảng được nêu lên hàng đầu. Sau ngày 28-8-1945, hơn 50 đại biểu về dự hội nghị cán bộ tại Trường Xô xã Phấn Mễ (Phú Lương)…Hội nghị đã nhất trí quyết nghị: đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên, thành lập các tổ chức cơ sở của Đảng ở những nơi xét thấy đủ điều kiện: tăng cường đảng viên cho các ngành trọng yếu của tỉnh: kiện toàn tỉnh ủy; xúc tiến việc củng cố và thành lập mới các huyện ủy.

Những kết quả của hai hội nghị nói trên đánh dấu thắng lợi trọn vẹn của cuộc cách mạng tháng Tám ở Bắc Thái.

Một trang sử mới mở ra trước mắt nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

IV – TRUNG TÂM CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

1- KHÁNG CHIẾN VÀ KIẾN QUỐC

Cuối tháng 8, đầu tháng 9 năm 1945, trên thế giới, chiến tranh đã kết thúc. Nhưng ở nước ta, một cuộc chiến đấu lâu dài vì độc lập, tự do, vì hòa bình và cuộc sống mới, bắt đầu.

Chưa bao giờ nhân dân ta, cùng một lúc phải đối phó với nhiều loại kẻ thù hung bạo, xảo quyệt như lúc này. Cuối tháng 8 năm 1945, gần 20 vạn quân Tưởng do đế quốc Mỹ giật dây, ào ạt sang xâm lược miền Bắc nước ta, dưới danh nghĩa tước vũ khí quân đội Nhật. Đầu tháng 9 năm 1945, quân đội Anh kéo đến Nam bộ, giúp thực dân Pháp cướp nước ta lần nữa. Trong khi đó, bọn phản cách mạng ở trong nước đủ các loại: thân Mỹ, thân Tưởng, thân Pháp ráo riết hoạt động, chống phá cách mạng.

Ở các thành phố, thị xã quan trọng, vẫn còn sáu vạn quân Nhật với vũ khí nguyên vẹn, đang chiếm đóng, sẵn sàng theo lệnh quân Đồng Minh chống lại nhân dân ta.

Về phía ta, bộ máy Nhà nước còn mỏng manh, quân đội còn non trẻ, tài chính không có, nạn đói do Pháp và Nhật gây ra làm hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói, đến lúc này vẫn đang đe dọa cuộc sống của nhân dân ta.

Đứng trước tình thế khó khăn, phức tạp của cách mạng Việt Nam sau ngày giành được chính quyền trên cả nước. Trong Tuyên ngôn Độc lập. Đảng ta và Chủ tịch Hồ chí Minh khẳng định quyết tâm không sức gì lay chuyển nổi của toàn dân tộc là: "***Đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập".***

Bước vào tháng 11 năm 1945, trước cuộc tấn công của giặc Pháp ở trong Nam và trước sự uy hiếp, quấy phá của quân Tưởng giới Thạch ở ngoài Bắc. Ban thường vụ Trung ương Đảng đã điểm lại tình hình và đề ra nhiệm vụ chung cho cách mạng Việt Nam là vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, đồng thời

vạch ra một loạt chủ trương công tác các mặt. chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" ngày 25-11-1945 của Ban chấp hành Trung ương Đảng nêu rõ: "Kẻ thù chính của ta lúc này là *thực dân Pháp xâm lăng*, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng" [(1)]

Vì vậy, về quân sự, Trung ương Đảng chủ trương: *"Động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài"*.

Từ tháng 11 năm 1945, đến tháng 11 năm 1946, là thời gian một năm *"Tạm hòa bình"*, một năm khá đặc biệt.

Thực hiện hai nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc, nhìn chung cả nước, nhân dân và lực lượng vũ trang cách mạng đã làm được những việc thật là tài giỏi.

Về kháng chiến, đồng bào trong Nam đã đi trước mở đầu cuộc chiến tranh toàn dân chống Pháp. Từ gậy tầm vông, quân và dân miền Nam đã đứng lên triệt để thực hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch: "*Còn một tấc đất, còn một người dân, thì còn chiến đấu"*. Quân và dân miền Nam, từng bước ngăn chặn quân địch, dẻo dai tiến hành chiến tranh du kích ở cả thành thị, nông thôn, đồng bằng và rừng núi, giữ vững lực lượng, cung cấp những kinh nghiệm đầu tiên cho cuộc kháng chiến cả nước sau này. Đồng thời, ở ngay trên các địa bàn Nam bộ và cực nam Trung bộ, quân và dân ta đã nhanh chóng phát triển được lực lượng cách mạng, tạo thêm những cơ sở vững chắc để đứng vững và tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược.

Trong khi ấy, ở ngoài Bắc, vận mệnh tổ quốc đã có lúc như ngàn cân treo sợi tóc. Song, quân và dân ta tin tưởng ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, ở sự lãnh đạo của Trung ương và Chính phủ, đoàn kết, kiên quyết và khôn khéo đấu tranh bằng mọi hình thức, chấp hành những chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng và Chính phủ, về sách lược lợi dụng mâu thuẫn giữa các kẻ địch, tranh thủ hòa hoãn với quân Tưởng, tập trung được mũi nhọn chống thực dân Pháp xâm lược. Cuối cùng, gần 20 vạn quân Tưởng buộc phải rút về

[(1)] Những sự kiện lịch sử Đảng - Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản - Nhà xuất bản Sự thật Hà Nội, 1979 – trang 40.

nước. Nhân dân ta tranh thủ thời gian tích trữ thêm lực lượng để chuẩn bị sẵn sàng đánh tay đôi với thực dân Pháp trên cả nước.

Về Kiến quốc, Ngay từ phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động một phong trào tăng gia sản xuất để chống nạn đói, Người kêu gọi thực hiện "Tấc đất, tấc vàng",, "Thực túc" thì "Binh cường" "Tăng gia sản xuất; tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa!...Đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền tự do, độc lập"[(1)].

Nhân dân ta đã nhiệt liệt hưởng ứng, nô nức tăng gia sản xuất chống đói như chống giặc. Ở hầu khắp các địa phương, đồng bào đã bớt ăn, bớt mặc, góp thóc gạo, quần áo, tiền của để nuôi quân giúp đỡ những người nghèo khó. Chỉ trong một thời gian ngắn, hưởng ứng phong trào xây dựng quỹ độc lập tuần lễ vàng do chính phủ phát động, các tầng lớp nhân dân đã quyên góp được 20 triệu đồng và 230kg vàng.

Hướng về miền Nam ruột thịt, từ thủ đô Hà Nội, căn cứ Việt Bắc, vùng Duyên Hải, các tỉnh đồng bằng Bắc bộ đến các tỉnh miền trung, nhân dân ta sôi nổi động viên con em vào các đội quân "Nam tiến" và góp phần nuôi dưỡng, trang bị những đội quân ấy.

Cùng với việc chống giặc ngoại xâm, chống nạn đói còn phải chống nạn mù chữ để mở mang kiến thức cho nhân dân lao động. Trong một thời gian ngắn, những lớp học bình dân được mở ở khắp nơi. Truyền thống hiếu học của dân tộc được phát huy, từ những em nhỏ đến các cụ già 80 tuổi đều đến lớp học bình dân. Sau một năm, đã có 2.500.000 người thoát nạn mù chữ. Tiếng Việt được dùng trong các văn bản chính thức của Nhà nước và trong việc học tập, giảng dạy tại các trường lớp. Cuộc vận động rộng lớn nhằm chống giặc dốt đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân lao động tham gia công tác chính quyền, đoàn thể và xã hội.

Để bầu ra Quốc hội, lập chính phủ chính thức, xây dựng hiến pháp của nước Việt Nam độc lập, ngày 6 tháng 1 năm 1946, từ tiền tuyến đến hậu

---

[(1)] Hồ Chí Minh: gửi các nhà nông, năm 1945, Tuyển tập Tập I, Nhà xuất bản Sự thật 1980, trang 378.

phương, nhân dân cả nước nô nức đi bầu cử. Cuộc tổng tuyển cử được tiến hành sau Cách mạng Tháng Tám có 4 tháng giữa lúc giặc ngoài, thù trong đang tìm cách lật đổ chính quyền nhân dân, thật sự là một cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc gay go, quyết liệt. Mặc dù kẻ thù điên cuồng chống phá, tỷ lệ người đi bầu rất cao, trung bình là 85%, nhiều nơi đạt 100%. Nhân dân cả nước đã bầu 333 đại biểu vào Quốc hội đầu tiên của nước ta.

Một năm tương đối hòa bình đã cho ta thời gian xây dựng lực lượng căn bản

Từ 5.000 đảng viên trong Cách mạng Tháng Tám, cuối năm 1946, đội ngũ của Đảng đã có trên 20.000 đảng viên.

Quốc hội khóa I đã họp và quyết định một loạt những vấn đề cơ bản của Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa. Hiến pháp nước ta chính thức xác nhận các quyền làm chủ và nghĩa vụ của công nhân.

Đảng, Chính quyền, Mặt trận Việt Minh đã dựa chắc vào nhân dân, tạo thành một khối toàn dân đoàn kết chung quanh hệ thống chính quyền do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo; toàn dân, toàn diện đấu tranh với địch, khắc phục khó khăn, kháng chiến và kiến quốc. Đấy là gốc của sức mạnh giữ vững thắng lợi và tiếp tục đưa cách mạng vượt qua thử thách.

Đảng đặc biệt quan tâm xây dựng lực lượng vũ trang, coi đó là việc quan trọng nhất để chuẩn bị kháng chiến. Theo sắc lệnh số 71 ngày 22 -3-1946, Vệ quốc quân chính thức trở thành quân đội quốc gia của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Đến cuối năm 1946, tổng số quân thường trực là 8 vạn. Du kích và tự vệ có khoảng gần một triệu ở hầu khắp các địa phương. Một loạt trường đào tạo cán bộ quân chính võ bị, lục quân, tự vệ được mở để cung cấp cán bộ cho lực lượng vũ trang. Công tác hậu cần bước đầu được xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật: quân nhu, quân giới, quân y, sản xuất vũ khí, tiểu liên, bom ba càng, ba dô ca v.v….

Cả nước tổ chức thành 12 chiến khu. Các chiến khu đều có xác định vùng tiền tuyến và khu căn cứ hậu phương [(1)].

Là một tỉnh nằm ở trung tâm căn cứ địa Việt Bắc cán bộ và nhân dân tỉnh Bắc thái đã được rèn luyện trong phong trào đấu tranh cách mạng và đấu tranh vũ trang. Bắc Thái là nơi sớm giành được chính quyền, thực hiện tốt chính sách mới ở khu giải phóng, đạt được những thành tựu nhất định về xây dựng chính quyền mở rộng và củng cố các đoàn thể cách mạng, tăng gia sản xuất thực hiện kinh tế tự túc, chống nạn mù chữ…cho nên cán bộ và nhân dân Bắc Thái bước vào thời kỳ mới, với tinh thần vững vàng. Đấy là thuận lợi căn bản. Tuy nhiên, nằm trong hoàn cảnh chung của đất nước, Bắc Thái cũng đứng trước những khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua được.

Tại Thái Nguyên, cuối tháng 8 năm 1945, nhân dân vừa mừng vui quét sạch hơn trăm tên lính Nhật ra khỏi thị xã thì đầu tháng 9 năm 1945, nhân dân đã phải đương đầu với mối họa 5.000 tên Tàu Tưởng từ Tuyên Quang qua Đại Từ, vào thị xã dừng chân để rồi kéo nhau về Hà Nội. Chúng cố tình dây dưa, kéo dài thời gian đóng quân để cướp bóc, vơ vét của cải nhân dân, chống phá cách mạng. Chúng lập trụ sở "Nam Dương Hoa Kiều hiệp hội", xúi dục những người Việt gốc Hoa lấy quốc tịch Trung Quốc. Bọn tay sai gồm số Hoa kiều mang đầu óc dân tộc lớn, đã từng phục vụ thực dân Pháp, phát xít Nhật, nay lại nhảy ra tiếp tay cho quân Tưởng. Chúng ngang nhiên đòi lập một hệ thống chính quyền bên cạnh hệ thống chính quyền cách mạng.

Tại Bắc Cạn và các huyện phía bắc Thái Nguyên, tuy không có quân Tưởng đi qua, nhưng là những nơi có nhiều người Hoa sống tập trung nên đều là địa bàn đi lại, hoạt động từ trước của tay sai Tưởng Giới Thạch. Chúng đã len lỏi vào các làng bản, phố chợ, lên các vùng cao giáp ranh để tuyên truyền lôi kéo những người nhẹ dạ, cả tin. Vì vậy, khi quân Tưởng tràn vào thì ở các nơi có Hoa Kiều sống tập trung như Chợ Mới, Phủ thông (Bạch Thông), Bản Ty (Chợ Đồn), Pác Nặm, Dài Khao (Chợ Rã), Yến Lạc (Na Rì), Bằng Khẩu

[(1)] Bắc Cạn, Thái Nguyên thuộc chiến khu 1 (gồm 6 tỉnh của khu giải phóng trước cách mạng tháng 8).

(Ngân Sơn) v.v…bọn phản động đều đứng ra lập trụ sở "Nam Dương Hoa Kiều hiệp hội". Một số người không phải gốc Hoa, cắt tóc, cạo đầu, treo cờ, ảnh Tưởng Giới Thạch, vỗ ngực tự xưng là công dân "Thiên quốc". Ở trên vùng cao giáp biên giới, lợi dụng địa thế hẻo lánh, bọn lưu manh trong tổ chức phản động nói trên, đã vũ trang cướp của, giết người, chống phá cách mạng…[(1)]

Rõ ràng là giặc ngoài, thù trong cùng nạn đói, nạn thất học do chính sách vơ vét và chính sách ngu dân của đế quốc Pháp, phát xít Nhật gây ra, làm cho tình hình Bắc Thái cũng vô cùng phức tạp. Tuy nhiên, nhìn thấy khó khăn là để giải quyết khó khăn, Bắc Thái đã ráng sức lại càng ráng sức hơn nữa, làm cho năm 1946 đúng là một năm thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ: kháng chiến kiến quốc, bảo vệ và củng cố thành quả cách mạng tháng Tám, phát triển lực lượng căn bản, tạo ra những tiền đề vật chất và tinh thần rất cơ bản cho việc xây dựng tỉnh ta thành một trong những tỉnh căn cứ địa vững chắc của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

*
* *

Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ lãnh đạo trong tình hình mới, Bắc Thái đặt công tác xây dựng Đảng lên hàng đầu. Số đảng viên trong Đảng bộ Bắc Thái thời kỳ lãnh đạo cách mạng tháng Tám có 61 đồng chí (Bắc Cạn 21, Thái Nguyên 40) đến cuối tháng 9 - 1945 Bắc Cạn chỉ còn 8 đảng viên. Một số đồng chí có kinh nghiệm, được Trung ương và Xứ ủy điều lên cương vị công tác khác.

Vì yêu cầu khách quan đòi hỏi thực hiện chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 25-11-1945. Đảng bộ Bắc Thái đã xúc tiến công tác xây dựng Đảng về tổ chức và tư tưởng. Đến hết năm 1946, riêng các cơ quan, xí nghiệp thuộc tỉnh và các chi bộ nông thôn, đã có gần 800 đảng viên tại Thái Nguyên thành lập được 28 chi bộ cơ sở (hai chi bộ công sở, ba chi bộ xí nghiệp, hầm mỏ, hai mươi ba chi bộ xã).

[(1)] Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái 0 Tập I- Trang 171, 192

Dựa vào sức mạnh của quần chúng. Đảng bộ Bắc Thái đã chỉ đạo nhân dân đấu tranh bằng nhiều hình thức kiên quyết và khôn khéo, làm cho quân tưởng bị thất bại trong âm mưu lợi dụng thời gian đóng quân trên đất Bắc Thái để khiêu khích, lật đổ chính quyền cách mạng. Trung tuần tháng 12 năm 1945, đơn vị cuối cùng của quân Tưởng phải rút khỏi Bắc Thái. Đối với bọn tay sai. Tỉnh ủy chỉ đạo quần chúng đấu tranh vạch mặt, tố giác những hoạt động phá hoại của bọn phản động, giúp lực lượng vũ trang truy bắt những tên đầu sỏ, mở phiên tòa công khai tại Bắc Cạn, Thái Nguyên xử những tên có tội ác với nhân dân, với cách mạng. Một trong những cuộc vận động chính trị rộng lớn trong toàn tỉnh là: động viên toàn dân xây dựng lực lượng vũ trang xung phong vào Nam giết giặc. Hằng nghìn thanh niên hăng hái gia nhập lực lượng vũ trang và sôi nổi lên đường Nam tiến. Cuối năm 1945, tiểu đoàn Nam Tiến của tỉnh xuất phát. Tiếp đó là một số đơn vị khác lần lượt lên đường. Đồng thời, để đối phó với hành động bạo loạn của bọn phản cách mạng và với hành động bạo loạn của bọn phản cách mạng và quan thày Tưởng Giới Thạch của chúng. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh gấp rút tổ chức một trung đoàn bộ đội chủ lực gọi là trung đoàn Bắc Thái. Ngoài ra còn xây dựng 5 đại đội vũ trang gửi đi Yên Bái, Vĩnh Yên, Phú Thọ, góp phần cùng các tỉnh bạn trấn áp bọn phản động Quốc dân Đảng, diệt thổ phỉ.

Cuộc bầu cử Quốc hội là một sinh hoạt chính trị sôi nổi của toàn tỉnh. Đồng thời việc tổ chức bầu cử Hội đồng Nhân dân xã, tỉnh; Ủy ban hành chính các cấp được tiến hành khẩn trương, đạt kết quả tốt, kể cả những nơi xa xôi hẻo lánh.

Tại Thái Nguyên, chính quyền nhân dân tịch thu các đồn điền của thực dân Pháp, giao cho Ban dân sinh kinh tế tỉnh và lập ra Ban quản trị để quản lý, tổ chức sản xuất. Những đồn điền này đem lại cho công quỹ hàng trăm tấn thóc, sử dụng vào việc cứu tế, dự trữ lương thực, nuôi cán bộ, bộ đội, góp phần khắc phục những khó khăn trước mắt về kinh tế của tỉnh.

Việc học văn hóa trở thành phong trào quần chúng Thanh niên và phụ nữ cứu quốc là những người đi đầu trong phong trào diệt "giặc dốt". Năm học

đầu tiên của tỉnh, đã có hàng trăm trường lớp mở rộng cửa đón con em nhân dân lao động vào học. Riêng ở Thái Nguyên năm 1946-1947 có 97 trường, đón 3.812 học sinh vào học. Cuộc vận động thực hiện "Đời sống mới", do các Đoàn thể đứng ra tổ chức đã khắc phục được một phần tệ cờ bạc, mê tín dị đoan và gây dựng được một số nét mới trong nếp sống của nhân dân, kể cả ở vùng cao.

*
* *

Từ tháng 10 năm 1946, tình hình chung trở nên căng thẳng do thực dân Pháp khiêu khích ngang ngược và xâm lấn ở nhiều nơi. Tháng 11 năm 1946, Trung ương Đảng chỉ thị cho các tỉnh, thành ở ngoài Bắc; phải đặt địa phương vào tình trạng kháng chiến. Các địa phương phải phối hợp với bộ đội, với các ngành trong Chính phủ, gấp rút chuẩn bị về mọi mặt; quân sự, chính trị, kinh tế, không được lơ là chậm trễ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trao cho đồng chí Nguyễn Lương Bằng nhiệm vụ trở về Việt Bắc chuẩn bị mọi mặt cho việc di chuyển các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Chính phủ; đồng thời tiếp tục tích trữ cơ sở vật chất, kỹ thuật cho cuộc kháng chiến cả nước. Người hỏi han, dặn dò công việc, từ việc bố trí, chuyển vận, cất dấu các kho muối đến việc chuyển tiền Việt Nam, dùng cho quân và dân ta trong cuộc kháng chiến lâu dài.

2. CÁCH MỆNH ĐÃ DO VIỆT BẮC MÀ THÀNH CÔNG THÌ KHÁNG CHIẾN SẼ DO VIỆT BẮC MÀ THẮNG LỢI

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết như thế trong thư gửi đồng bào Việt Bắc, nhân ngày Độc lập năm 1947.

Mở đầu thời kỳ 1940 -1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao cho Việt Bắc nhiệm vụ lập căn cứ địa cách mạng, phát động cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong cả nước. Lịch sử đã chứng minh Việt Bắc đã hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ ấy.

Mở đầu thời kỳ 1945-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại trao cho Việt Bắc ***nhiệm vụ lập căn cứ địa, phát động cuộc kháng chiến toàn dân, chiến tranh***

cách mạng trong điều kiện mới, so sánh lực lượng mới, giữa một đất nước không rộng, người không đông, buộc phải chiến đấu chống một đế quốc to là Pháp, có đế quốc Mỹ giúp sức, can thiệp.

Việt Bắc - trong đó có Bắc Thái - làm những gì cho xứng đáng là căn cứ địa kháng chiến của cả nước ?

*
* *

Việc lớn đầu tiên là từ tháng 11 năm 1946, ***Việt Bắc và Bắc thái đã tiếp nhận, che dấu và bảo vệ nhiều cơ quan, kho tàng, xí ngiệp, bệnh viện từ thành phố, lần lượt di chuyển lên các khu căn cứ.***

Các cơ quan, các cơ sở quân nhu, quân y, quân giới được chuyển lên Việt Bắc.

Việc chuyển 400 tấn muối lên dự trữ ở Việt Bắc được hoàn thành tốt. Hàng triệu mét vải, hàng nghìn bao tải bông, gồm trăm kiện sợi được đưa vào các kho.

Các cơ sở quân, giới được chuyển thành nhiều chặng lên các căn cứ, 39.400 tấn máy móc, nguyên liệu của các cơ sở sản xuất vũ khí được chuyển tới những nơi đã định. Những cơ sở đó tuy còn nhỏ bé nhưng việc di chuyển không đơn giản. Nông thôn, rừng núi hẻo lánh, đường xá không có, phải khiêng vác bằng đôi vai, bằng xe bò, xe trâu, thuyền, bè, mảng rất công phu, vất vả. Các đơn vị bộ đội và nhân dân các địa phương đã hết sức giúp đỡ cán bộ và công nhân quốc phòng, vượt qua nhiều trở ngại, nhiều đèo cao, suối sâu, đưa hàng vạn tấn máy móc, nguyên liệu, vật liệu, lương thực, thuốc men tới các địa điểm an toàn. Tiếp đó, các địa phương lại giúp sức xây dựng các bệnh viện, kho tàng, nhà máy ở căn cứ trong hoàn cảnh mọi thứ đều khó khăn, thiếu thốn.

Cho đến cuối tháng 12 năm 1946, các ngành, các cơ sở quốc phòng cùng các đơn vị quân đội và các địa phương hoàn thành việc di chuyển và đưa ngay vào sản xuất phục vụ nhu cầu kháng chiến.

Đây là vốn cơ bản, là cơ sở vật chất, kỹ thuật ban đầu, tuy không nhiều nhưng đã bảo đảm cho lực lượng vũ trang ta bước vào cuộc kháng chiến lâu dài với quân đội Pháp có trang bị vũ khí, kỹ thuật hiện đại.

Muốn xứng đáng là địa phương căn cứ địa thì phong trào kháng chiến ở địa phương phải phát triển đều và lực lượng vũ trang địa phương phải có sức chiến đấu tốt. Thời gian các cơ quan Trung ương, Chính phủ, các cơ sở quốc phòng di chuyển lên căn cứ địa Việt Bắc cũng là thời gian quân và dân tỉnh Bắc Thái đẩy mạnh các mặt công tác chuẩn bị kháng chiến ở địa phương và ra sức nâng cao sức chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương.

Sau cách mạng tháng Tám, nhất là sau ngày Nam bộ kháng chiến (23-9-1945), một số cán bộ, chiến sĩ có năng lực và kinh nghiệm công tác quân sự, cùng với cả vũ khí, đã được cấp trên điều động đi bổ sung cho các đơn vị bộ đội chủ lực. Nhu cầu cán bộ cho các ngành, các cơ sở ở ngay trong tỉnh cũng phát triển nhanh. Vì vậy, việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương và việc vũ trang toàn dân, có lúc, có nơi còn chậm tiến triển.

Từ tháng 10 năm 1946, nhất là sau ngày bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc, thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và chỉ thị "Toàn dân kháng chiến", của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, truyền thống toàn dân tham gia xây dựng lực lượng vũ trang từ cơ sở lại được khôi phục và phát huy.

Đầu năm 1947, thực hiện Nghị quyết của Trung ương và chỉ thị của Chính phủ, tỉnh Bắc Thái thành lập tỉnh đội, huyện đội, xã đội. Tỉnh ủy đã đưa một số cán bộ có năng lực sang đảm nhiệm công tác phát triển và củng cố dân quân toàn tỉnh. Chỉ trong mấy tháng, các huyện phía bắc tỉnh đã củng cố, xây dựng được 17 đại đội dân quân. Huyện Bạch Thông, huyện trọng điểm, xây dựng được 6 đại đội. Các huyện phía nam tỉnh, vừa phát triển phong trào dân quân, vừa xây dựng được một số đơn vị tập trung của từng huyện. Như vậy là, phát huy truyền thống tỉnh căn cứ địa, chỉ trong nửa năm chuẩn bị đối phó với cuộc tiến công xâm lược của quân Pháp lên Việt Bắc, tỉnh Bắc Thái đã hoàn thành về cơ bản một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất, là kiện

toàn bộ máy chỉ huy quân sự từ tỉnh đến các cơ sở, xây dựng và trang bị cho lực lượng này có lúc lên tới 6 nghìn cán bộ và chiến sĩ. Đồng thời, thực hiện chủ trương "Toàn dân kháng chiến", "Toàn dân vũ trang". Bắc Thái đã phát triển mạnh mẽ lực lượng dân quân. Đây là hình thức vũ trang tự vệ rộng rãi của quần chúng ở cơ sở, cho nên từ vùng thấp đến vùng cao, các dân tộc đa số và thiểu số, nam từ 18 đến 45 tuổi, nữ từ 18 đến 40 tuổi, đều hăng hái tự nguyện tham gia Trong toàn tỉnh, lực lượng dân quân được biên chế thành các đơn vị từ tiểu đội, đến đại đội, lên tới hàng chục nghìn người.

Để xây dựng tốt "Thực lực về quân sự" của căn cứ địa kháng chiến, Bắc Thái đã góp phần tích cực xây dựng bộ đội chủ lực. Trung đoàn Bắc Thái cũ được Bộ Tổng chỉ huy điều động đi làm nhiệm vụ cơ động của Bộ. Chỉ trong thời gian ngắn, tỉnh đã xây dựng, thành lập trung đoàn 72, trung đoàn Bắc Thái mới, trong đó một tiểu đoàn đóng quân bảo vệ khu vực 5 huyện phía bắc, hai tiểu đoàn đảm nhiệm các huyện phía nam tỉnh.

*

* *

Quân đội Pháp có bộ binh cơ giới hóa, vận động nhanh, hỏa lực mạnh. Chiến lược của thực dân Pháp lúc này là đánh nhanh, thắng nhanh, chúng mong dùng lực lượng ào ạt, đánh chớp nhoáng trong vòng vài ba tháng là cướp xong nước ta.

Một trong những biện pháp để cản bước tiến nhanh của quân Pháp là ta phải phá hoại đường xá, cầu cống, phá hoại cả nhà cửa, đường phố, thị trấn, thị xã để nếu địch có chiếm được cũng không thể sử dụng vào việc biến những nơi này thành hệ thống công sự đánh ta. Về việc này. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi: "Đánh thì phải phá hoại, ta không phá thì Pháp cũng phá", "Bây giờ ta phải phá để chặn chúng lại, không cho chúng tiến lên, không cho chúng lợi dụng" "Một nhát cuốc của đồng bào cũng như một viên đạn của chiến sĩ bắn vào đầu quân địch vậy".

Thị xã Thái Nguyên vốn là một thị xã có đường phố đẹp, với những ngôi nhà gạch, ngói vững chắc. Nghe theo lời kêu gọi của Đảng và Chính phủ,

nhân dân Thái Nguyên đã tích cực tham gia công tác phá hoại các công sở, dinh thự kiên cố được xây cất từ thời trước, phá hoại đường xá và ngay cả những ngôi nhà của chính gia đình mình đã xây cất lên. Phá hoại đến đâu chuyển ngay vật liệu ra mặt đường, đắp ụ cản xe cơ cơ giới địch.

Tháng 5 năm 1947, nhân dân thị xã làm xong việc phá hoại và chuyển sang chuẩn bị phá cuộc tiến công thu đông của địch lên Việt Bắc.

Cũng vào dịp này, một buổi tối tháng 5 - 1947, một giáo sư người Pháp, tên là Pôn- Muýt (Paul Mus) được ủy nhiệm đến thương lượng với Chính phủ ta về việc ngừng bắn theo điều kiện của Pháp, nên đã có dịp được đặt chân tới thị xã Thái Nguyên. Đi trên những con đường phá hoại ngoắt ngoéo, Pôn – Muýt đã ngạc nhiên, nay lại càng ngạc nhiên trước cảnh tượng một thị xã tự phá hủy. Sau này trở về, ông ta nói chuyện với bạn bè: "Tôi vừa sửng sốt, vừa khâm phục ….Những người dân đã tự tay phá sập nhà mình! Khó có sức mạnh nào khuất phục nổi một dân tộc có tinh thần hy sinh như vậy"!

So với Thái Nguyên, công tác phá hoại ở thị xã Bắc Cạn tiến hành chậm, ít hiệu quả hơn. Là thị xã nằm sâu trong lòng căn cứ địa Việt Bắc nên Bắc Cạn có mật đội khá đông các cơ quan, kho tàng, xí nghiệp từ thành phố chuyển đến và cũng khá đông đồng bào miền xuôi tản cư lên. Dân số thị xã tăng nhanh. Đường phố, chợ búa, xe cộ tấp nập, sôi động hẳn lên. Từ cuối tháng 6 đến trước thu, đông 1947. Bắc Cạn được gọi là "thủ đô kháng chiến"! Vì thế, mãi đến tháng 8 - 1947 Ban chỉ huy công tác phá hoại mới hoạt động. Trước ngày địch mở chiến dịch tiến công Việt Bắc thu, đông 1947, mới phá được ít đồn, bốt, nhà cửa.

Phát huy truyền thống "lá lành đùm lá rách", thực hiện chỉ thị "phải giúp đỡ đồng bào tản cư", tỉnh đã lập Ủy ban tản cư - Ủy ban này đã tổ chức đón tiếp, bố trí chỗ ở và công ăn việc làm cho gần 63.000 đồng bào các tỉnh bạn tản cư đến tỉnh Bắc Thái; Cứu tế trên 5 triệu đồng cho hơn mười nghìn người, tổ chức và điều khiển các trại sản xuất của đồng bào tản cư.

Dọc theo đường giao thông lớn; Thái Nguyên - Bắc Cạn. Thái Nguyên - Đại Từ - Sơn Dương -Tuyên Quang; Thái Nguyên – Đồng Bẩm – Đinh Cả -

Võ Nhai v.v… đồng bào tản cư dựng lên những "Thị trấn kháng chiến" ở gần kề hai bên đường, góp phần đem lại cho núi rừng Bắc Thái một nếp sống, một bộ mặt mới.

Vì muốn đánh nhanh, thắng nhanh nên mục tiêu số 1 của thực dân Pháp là chụp bắt cơ quan đầu não chỉ đạo chiến tranh của ta mà chúng có thể biết được.

Nhưng từ đầu tháng 11 năm 1946, các cơ quan Trung ương, Chính phủ đã được lệnh quân sự hóa: ba lô, tài liệu gọn nhẹ, vũ trang tự bảo vệ, bí mật sơ tán dần từng bộ phận, tỏa đi các ngả khác nhau, tạm dồn về hai đầu mối: Hà Đông và Bắc Giang, rồi di chuyển dần từng chặng lên Việt Bắc theo hai trục: Sơn Tây - Hưng Hóa - Tuyên Quang - chiêm Hóa và Bắc Giang - Thái Nguyên -Chợ Chu - Bắc Cạn.

Trung tuần tháng 3 năm 1947, các cơ quan Trung ương, cán bộ sơ tán ra nhiều hướng, đã lần lượt lên tới Việt Bắc. Cũng thời gian này, Chủ tịch Hồ Chí Minh Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Chính phủ và Bộ Tổng chỉ huy, đến khu căn cứ.

Cuối tháng 4 năm 1947, tại Việt Bắc, Chủ Tịch Hồ Chí Minh chủ tọa cuộc hội nghị cán bộ Trung ương. Nhận định đầu tiên là qua 4 tháng chiến đấu, quân đội Pháp đã không đạt được mục tiêu của chúng. Chiến tranh sẽ quyết liệt hơn. Quân địch có thể đánh xuyên mũi dùi vào, hoặc bao vây các căn cứ địa của ta. Nhưng ta vẫn có thể kháng chiến thắng lợi bằng cách mở mặt trận ở bất cứ nơi nào có bóng địch, đánh ngay ở sau lưng địch, trong ruột địch và *"Tổ chức căn cứ địa không những ở miền rừng núi mà cả ở đồng bằng"*

Vào lúc này, quân Pháp mới có thêm viện binh, đã đánh rộng ra nông thôn nhiều tỉnh ở Bắc bộ và trung bộ. Vừa chiến đấu, các tỉnh vừa gấp rút tổ chức căn cứ kháng chiến của tỉnh và các huyện, xã. Những căn cứ kháng chiến đó nhanh chóng đi vào hoạt động: vừa tổ chức cuộc sống kháng chiến lâu dài cho nhân dân vừa tạo chỗ đứng chân tương đối vững chắc cho các lực lượng vũ trang chiến đấu và xây dựng. Những căn cứ du kích, căn cứ kháng

chiến ấy lại phải giữ vững đường dây liên lạc với căn cứ địa ở các chiến khu trên cả nước để qua đó, chắp nối, thông suốt sự chỉ đạo của Trung ương tới các cơ sở, và phản ánh được tình hình phong trào kháng chiến ở cơ sở lên tới Trung ương.

Việt Bắc, căn cứ địa của cách mạng tháng Tám, nay đang trở thành căn cứ địa của cả nước kháng chiến hậu phương của cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, lâu dài, tự lực.

Từ Việt Bắc, một mạng lưới giao thông liên lạc hai chiều Bắc, Nam và Nam, Bắc hoạt động liên tục, bí mật có hiệu quả.

Hồi tháng 3 năm 1946, trong khi đem hạm đội Pháp ra Bắc, Lơ -clec, tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp, rất sợ Chính phủ Hồ Chí Minh lên rừng "Đánh du kích". Giờ đây, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lên rừng Việt Bắc là để chỉ đạo cả một quốc gia tiến hành kháng chiến và xây dựng lực lượng từ Bắc đến Nam.

Địa lý, kinh tế, quân sự, chính trị của vùng núi Bắc Cạn, Thái Nguyên dẫn đến vị trí, vai trò chiến lược của tỉnh ngay từ thời kỳ hình thành khu giải phóng trước đây và trong quá trình *chuẩn bị và tổ chức hậu phương kháng chiến lúc này ở Bắc Thái và Việt Bắc.*

Việc đầu tiên là cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành và nhân dân các dân tộc ở Bắc Thái, trọng điểm là các huyện Chợ Đồn, Chợ Rã, Định Hóa, Phú Lương, Đại Từ..*đã giữ gìn bí mật*, đưa vấn đề giữ bí mật nơi ở, làm việc, sinh hoạt của các cơ quan Trung ương, chính phủ thành một trách nhiệm, với những quy định tự giác chấp hành trong nhân dân. Các cơ quan giúp việc chỉ đạo của Trung ương, chính phủ đều phải gọn, nhẹ. Số đơn vị cảnh vệ rất ít. Để đề phòng kẻ gian dò la, phá hoại, mạng lưới bảo vệ tinh tường, chính là tai mắt của đông đảo nhân dân tại chỗ có ý thức cảnh giác thường xuyên, coi việc tham gia công tác bảo vệ các cơ quan, xí nghiệp, kho tàng quan trọng như bảo vệ cuộc sống của làng, bản mình.

Liền trong mấy tháng 3, 4 và 5 năm 1947, cũng như các địa phương khác, nhân dân Bắc Thái ra sức thực hiện nhiệm vụ tham gia dân quân, làm

các bãi chông chống quân nhảy dù, tổ chức làng bản kháng chiến, giúp đỡ bộ đội tác chiến, phá hoại, cản địch, tiếp tế, vận tải. ..Trọng tâm của địa phương là đẩy mạnh phong trào dân quân, tự vệ, du kích. Trước đây, dân quân là những tổ chức vũ trang của quần chúng, do Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc xây dựng ở từng địa phương. Theo tinh thần mới, dân quân, tự vệ và du kích trở thành một bộ phận trong các lực lượng vũ trang của Nhà nước, do hệ thống cơ quan quân sự tỉnh, huyện xã chỉ huy. Từ trong thực tế chiến đấu và xây dựng mấy tháng qua, lực lượng vũ trang nhân dân, đến lúc này, bắt đầu có sự hình thành: bộ đội chính quy, du kích địa phương thoát ly sản xuất và dân quân tự vệ không thoát ly sản xuất. Tháng 5 năm 1947, tại một địa điểm ở Bắc thái, hội nghị dân quân toàn quốc lần thứ nhất được triệu tập, để thống nhất việc tổ chức dân quân, tự vệ và du kích cả nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho dân quân tự vệ và du kích trên cả nước, xác định vai trò chiến lược của dân quân, tự vệ và du kích trong chiến tranh và cách mạng: "Dân quân, tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là một lực lượng vô địch, là một bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận kẻ địch hung bạo thế nào, hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó, thì địch nào cũng phải tan rã" [(1)]

Tiếp đó, qua mấy tháng toàn quốc kháng chiến. Bộ Tổng Chỉ huy đã truyền đạt tới các địa phương trong cả nước về sự cần thiết phải thực hiện "Vũ trang toàn dân", "Phối hợp sự chiến đấu của bộ đội và sự chiến đấu của dân quân và toàn dân, có những đội du kích khắp nơi, các làng mạc trở nên các pháo đài, phát triển các đội du kích địa phương "Thì" bộ đội chính quy bớt phải lo giữ các địa phương "Mới" "di động được dễ dàng, nắm lấy quyền chủ động, để làm mới cho giặc bị tê liệt, bị vây hãm, bị đánh lúc chúng không muốn đánh, bị khốn cùng về cả mọi mặt".

Những chỉ thị trên đây sớm được phổ biến tới quân và dân Việt Bắc và Bắc Thái. Việc phổ biến gắn liền với việc đẩy mạnh các công tác chuẩn bị, đề

[(1)] Hồ Chí Minh - Về đấu tranh vũ trrang và lực lượng vũ trang nhân dân QĐND- H-1970, trang 174

phòng quân Pháp tấn công lên Việt Bắc thu, đông 1947, qua đó nâng cao thêm tinh thần kháng chiến của nhân dân các dân tộc ở Bắc Thái.

Bước vào thu, đông năm 1947, thực dân Pháp lại một lần nữa muốn đánh đòn "Chớp nhoáng", giành lấy chiến thắng và lập lại chế độ thực dân kiểu cũ ở Đông Dương. Đó là lúc số quân viễn chinh Pháp lên tới 125.000 tên. Cuối tháng 9 năm 1947, nắm trong tay những tài liệu tình báo thu được về tình hình căn cứ địa Việt Bắc, Bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp coi như nắm chắc phần thắng!

Ngày 7 tháng 10 năm 1947, thực dân Pháp bắt đầu cuộc tiến công Việt Bắc theo hai bước:

Bước 1, với kế hoạch gọi là Lê -A, dùng hai gọng kìm bao vây căn cứ địa Việt Bắc. Bước 2, với kế hoạch gọi là Clô -Lô, càn quét vùng địa giới 3 tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Cạn.

Bộ Chỉ huy Pháp ném hai vạn quân tinh nhuệ nhất trong hải, lục không quân vào chiến dịch này. Mục tiêu của chiến dịch tiến công Việt Bắc là chụp bắt cơ quan chỉ đạo kháng chiến, tiêu diệt quân chủ lực, làm tê liệt guồng máy điều hành, chỉ huy căn cứ địa, khủng bố nhân dân căn cứ địa, đặt ách thống trị thực dân cũ lên cả nước ta.

Phạm vi đụng chạm của chiến dịch rộng tới 12 tỉnh. Hai vạn quân Pháp dàn ra thành những múi tiến quân thọc sâu vào hậu phương ta, tạo thế bao vây lớn, dùng hai gọng kìm dài khoảng ba trăm đến bốn trăm ki-lô-mét, chọc thẳng vào những khu vực trung tâm căn cứ địa Việt Bắc.

Đòn tập kích lớn bất ngờ là cuộc đổ bộ đường không xuống Bắc Cạn, Chợ Mới, Chợ Đồn.

Một mũi tiến quân bằng tầu hải quân, được binh đoàn hỗn hợp bộ binh thuộc địa và lính thủy đánh bộ, từ Hà Nội, ngược sông Hồng, sông Lô, lên Tuyên Quang, đến Chiêm Hóa, bao vây Việt Bắc ở phía tây. Đồng thời một mũi tiến quân bằng binh đoàn bộ binh thuộc địa từ Lạng Sơn lên Cao Bằng, đến Bắc Cạn, bao vây Việt Bắc từ phía đông và phía bắc, lùa quân ta vào giữa vòng vây mà tiêu diệt.

Diễn biến trong thực tế không như mong muốn chủ quan của Bộ chỉ huy Pháp.

Trước hết, Bộ chỉ huy Pháp đã vấp phải *sự chỉ đạo chủ động và chiến lược của Đảng ta.* Ngày 15 tháng 9 năm 1947, tức là trước lúc địch đánh lên Việt Bắc 3 tuần, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã chỉ cho các địa phương một số nhiệm vụ cụ thể về tuyên truyền cổ động về quân sự, về kinh tế, tài chính và tiếp tế, nhằm phá những cuộc tấn công mùa đông của địch.

Hai ngày sau, ngày 17 tháng 9 năm 1947, hội nghị quân sự lần thứ tư đã tính đến khả năng quân Pháp sẽ mở cuộc tiến công lên Việt Bắc trước. Trong so sánh lực lượng lúc này, để phá những cuộc tiến công lớn của đich, cần phải phát động manh mẽ chiến tranh du kích, chiến tranh nhân dân trên các địa phương. Do đó, dân quân là lực lượng tối quan trọng. Bộ đội với dân quân phải phối hợp, giúp đỡ nhau, cùng phát triển. Chủ trương cụ thể là dùng đơn vị ***đại đội độc lập để cùng dân quân du kích và tự vệ hoạt động trên chiến trường của mỗi địa phương***. Đồng thời phải có những ***tiểu đoàn tập trung lưu động tác chiến*** theo mệnh lệnh.

Căn cứ địa Việt Bắc, ở chiến khu 2, chiến khu 3 đều phải sẵn sàng đón đánh địch. Các chiến khu khác như đánh địch để làm địch phải đối phó ở khắp nơi.

Tiếp đó, Bộ chỉ huy Pháp đã vấp phải ***sự chỉ đạo sắc bén về chiến lược, sáng tạo về cách đánh du kích vận động chiến, kịp thời triển khai các kế hoạch, mở chiến dịch phản công quy mô lớn của ta trên địa bàn căn cứ, địa rừng núi.***

Ngay sau hôm địch nhảy dù, ngày 8 tháng 10 năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có thư gửi nhân dân, bộ đội, dân quân du kích vạch rõ chỗ mạnh, chỗ yếu của địch và kêu gọi quân và dân ta ra sức tiêu diệt địch.

Ngày 15 tháng 10 năm 1947 Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị "***Phải phá cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp",*** nhắc nhở các cấp ủy Đảng, các cấp chỉ huy khắc phục bệnh chủ quản khinh địch, mau nhận rõ quy luật chiến tranh nói chung và quy luật chiến tranh Việt - Pháp nói riêng.

Mệnh lệnh số 101, ngày 15-10-1947 của Bộ Tổng chỉ huy là phải làm cho cuộc chiến đấu ở đây thành cuộc chiến đấu của toàn dân "***Không có phân biệt tiền phương và hậu phương".*** Dân quân du kích thôn, xã, bản làng "***Trực tiếp tham gia tác chiến"*** Đại đội độc lập ***"Bố trí trên các chiến trường địa phương, quấy rối, tiêu diệt từng bộ phận nhỏ của địch".*** Bộ đội chủ lực "***Tập trung từng tiểu đoàn, phụ trách từng khu vực một, tiêu diệt địch ở những vị trí lẻ tẻ, trong khi địch vận chuyển trên đường giao thông".*** Tiếp đó, mệnh lệnh số 132 ngày 27 tháng 10 năm 1947 gửi các khu 1, 10, 12 phải đánh mạnh ở mặt sông Lô và đường số 4, phá vận tải tiếp tế địch phục kích các đường rừng, đánh đường sông, tại những căn cứ địch luôn quấy rối, đối với những vị trí nhỏ; bao vây tiêu diệt. Đồng thời có mật điện gửi các khu trong toàn quốc đánh mạnh để phối hợp với Việt Bắc.

Trung đoàn vệ quốc quân các tỉnh Lạng sơn, Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Phúc Yên, Vĩnh Yên, Tuyên Quang cùng các đơn vị trực thuộc Bộ Tổng chỉ huy và Bộ chỉ huy các chiến khu 1, 10 nhanh chóng được phân thành 30 đại đội độc lập và 18 tiểu đoàn tập trung, cùng dân quân du kích đánh địch ở từng huyện, từng khu vực.

Đồng bào các dân tộc ở căn cứ địa Việt Bắc và vùng trung du lân cận, đoàn kết, anh dũng chiến đấu, giết giặc lập công.

Bị thua quá đau, ngày 22 tháng 12 năm 1947, một phần lớn quân đội Pháp buộc phải cút khỏi Việt Bắc.

Do vị trí trung tâm căn cứ địa, Bắc Thái nằm trong vùng trọng điểm tấn công của giặc Pháp. Các huyện Chợ Đồn, Định Hóa là những hợp điểm của hai gọng kìm lớn trong kế hoạch tấn công Việt Bắc của địch. Thị xã Bắc Cạn – "Trung tâm tinh thần của Việt Minh" - Thị trấn Chợ Mới, Chợ Đồn, ngay từ những ngày đầu của chiến dịch, đã hứng chịu sức tiến công mãnh liệt của thực dân Pháp.

Mặc dù đã được phổ biến trước về âm mưu, thủ đoạn của địch, nhưng ở địa phương vẫn chủ quan, cho là địch chưa thể mỗi chốc đánh sâu vào căn cứ địa chưa hình dung nổi là địch có thể mở cuộc đổ bộ đường không xa căn cứ

của chúng. Trong những ngày địch nhảy dù xuống Bắc Cạn, Chợ Mới, Chợ Đồn rồi kéo quân lên chiếm đóng Phủ Thông (Bạch Thông), tiếp đó kéo quân lên chiếm đóng huyện lỵ Chợ Rã; cùng ngày quân địch từ Cao Bằng theo quốc lộ số 3 (3A và 3B) kéo xuống chiếm đóng Bành Trạch (Chợ Rã), huyện Lỵ, Ngân Sơn, Nà Phặc… các lực lượng tại chỗ của ta chưa phát huy được hết khả năng của mình, bỏ lỡ nhiều cơ hội tiêu diệt địch. Một số kho tàng, công xưởng của ta còn lại trong vòng vây của địch, đều bị uy hiếp.

Ngày 7-10-1947, trong sự đùm bọc, che chở của nhân dân Bắc Cạn, đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng ta lúc đó, cùng một số các đồng chí lãnh đạo của các cơ quan Trung ương, liên khu và tỉnh đã rút an toàn ra khỏi vòng vây của địch.

Sau khi rút khỏi thị xã, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban tỉnh và Ban chỉ huy tỉnh đội, đã chắp nối ngay đường dây liên lạc với Trung ương với khu; tiếp nhận những chỉ thị của Trung ương, của Bộ Tổng chỉ huy và lập tức nắm ngay tình hình lực lượng mọi mặt sau ngày 7-10-1947, phân công tổ chức thực hiện một loạt công tác cần kíp.

Một mặt, đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương tập trung sức vào việc bảo vệ và di chuyển nhiều kho tàng, cơ quan, công xưởng của Trung ương và của tỉnh tại các thị xã, thị trấn, ven quốc lộ…tới những nơi an toàn, bảo vệ sự giúp đỡ và hướng dẫn nhân dân tản cư; chỉ đạo nhân dân gặt lúa mùa đang chín rồi đem cất dấu, làm vườn không nhà trống, triệt để thực hiện khẩu hiệu; không làm việc, không tiếp tế, không dẫn đường cho địch, tổ chức việc phá hoại giao thông tiếp tế của địch.

Mặt khác sau những phản ứng chiến đấu tự vệ còn lẻ tẻ ban đầu trong ngày 7 tháng 10 năm 1947, như: đánh bọn nhảy dù bị lạc, ngăn quân địch đi cướp phá, đơn vị cảnh vệ Bắc Cạn, đại đội độc lập huyện Bạch Thông, dân quân du kích Thanh Mai, đã nhanh chóng chuyển sang chủ động tổ chức chiến đấu, tích cực phá hoại giao thông, tiến hành nhiều cuộc phục kích, tập kích, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch.

Ngày 9 tháng 10 năm 1947, trung đội du kích xã Yên Đĩnh, hai tiểu đội du kích thị trấn Chợ Mới, có sự phối hợp của một tiểu đội bộ đội chủ lực, đã tổ chức phục kích tại một đoạn hiểm yếu trên quốc lộ số 3, cách thị trấn Chợ Mới khoảng một ki-lô-mét, diệt hàng chục tên, buộc địch phải quay về nơi đóng quân; quân Pháp phải cho máy bay đến ném bom vùng Yên Đĩnh.

Ngày 13 tháng 10 năm 1947, lực lượng nói trên lại phục kích tại km 125 trên quốc lộ số 3, buộc quân địch phải quay trở lại Chợ Mới. Cũng trong mấy ngày này, du kích xã Cao Kỳ (Bạch Thông) khéo chọn một đoạn đường hiểm: dưới là vực sâu, trên là dốc đứng thành vai, dùng địa lôi bắn hỏng ba xe, diệt hơn 50 tên địch.

Tiếp đó, trên mặt trận đường số 3, lực lượng vũ trang Bắc Thái đã tham gia đánh địch ở xung quanh thị xã Bắc Cạn, thị trấn Phủ Thong, phục kích đánh địch trên đường Bắc Cạn đi Chợ Đồn, quấy rối địch ở các cứ điểm Ngân Sơn, Chợ Rã, diệt hàng chục tên địch.

Cuộc chiến đấu của quân và dân ta trên địa bàn Bắc Thái, trên mặt trận đường số 3 đã góp phần vào cuộc chiến đấu chung của quân và dân ta trên mặt trận Sông Lô, Tuyên Quang, Chiêm Hóa, trên mặt trận đường số 4, Cao Bằng v.v…làm cho gọng kìm của địch bị bẻ gãy. Ý đồ hội quân của địch ở Bản Thị (Chợ Đồn) không thành. Tình hình chiến sự qua hơn một tháng diễn ra đúng như nhận định của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban Thường vụ Trung ương và Bộ Tổng Chỉ huy là: quân địch chỉ hung hăng, ồ ạt ban đầu. Hai gọng kìm bị bẻ gãy thì chúng sẽ phải rút.

Trung tuần tháng 11 năm 1947, Bộ chỉ huy Pháp chuyển sang bước 2, với phán đoán là cơ quan chỉ đạo và lực lượng chủ yếu của ta đã di chuyển xuống phía nam Bắc Cạn và Thái Nguyên. Chúng cho một cánh quân đánh xuống chiếm đóng phố Ngữ, Quán Vuông (Định Hóa). Tiếp đó, ngày 26 tháng 11 năm 1947, máy bay địch đánh phá và thả quân xuống La Hiên (Võ Nhai). Cùng ngày, quân nhảy dù chiếm Tràng Xá (Võ Nhai), Cù Vân (Đại Từ). Khoảng hai nghìn quân địch đánh vào những nơi đó. Cũng thời gian này, địch cho quân từ Hà Nội, Phúc Yên, men theo dãy Tam Đảo, rải quân đóng ở

32 địa điểm thuộc 7 huyện của Thái Nguyên. Nắm bắt được ý đồ của địch, trước đó một ngày Hồ Chủ tịch cùng một số vị trong Hội đồng chính Phủ đã kịp thời rời địa điểm từ Làng Vang (Tràng Xá - Võ Nhai) trở lại khu an toàn vùng Định Hóa.

Những ngày cuối tháng 11, đầu tháng 12 năm 1947. Là những ngày cả tỉnh Bắc thái trực tiếp vào cuộc bộ đội và dân quân cùng đánh giặc, toàn dân đuổi giặc trên địa bàn cả tỉnh, nhất là ở những trận chiến đấu tại La Hiên, Đèo Kim, Phú Minh, Phủ Thông, Đình Cả, Võ Nhai, Đèo Giàng, Đại Từ v.v….Bị thất bại nhục nhã, ngày 21 tháng 12 năm 1947, thực dân Pháp phải kết thúc chiến dịch Clô- Clô, bảy huyện phía nam tỉnh sạch bóng quân thù.

Tiếng súng diệt địch ở Việt Bắc đã cổ vũ cả nước Quân và dân cả nước, từ Hà Nội, đồng bằng Bắc Bộ đến Trung bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ, Sài Gòn…đều có những trận đánh phối hợp với Việt Bắc.

Cuộc phản công thắng lợi ở Việt Bắc chứng tỏ nhận định của hội nghị cán bộ Trung ương họp dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hồ Chí minh cuối tháng tư năm 1947 tại Việt Bắc -Tháng mới bắt đầu tổ chức, xây dựng căn cứ địa là hoàn toàn đúng. Chín tháng sau, với chiến thắng Việt Bắc, hội nghị Trung ương Đảng (mở rộng) họp tại Việt Bắc ngày 15-1-1948 nêu lại ý đó và nhận xét: "*Việt Nam nước nhỏ, không có căn cứ địa vững chắc, biên giới có thể bị bao vây, vũ khí kém, nhưng với sự đoàn kết cố gắng của toàn dân dưới chế độ Dân chủ Cộng hòa, dưới sự lãnh đạo của Chính Phủ Hồ Chí Minh và của Đảng, vẫn có thể kháng chiến thắng lợi*".

Từ 19-12-1946 đến 19-12-1947, vừa tròn một năm: Một chiến lược của địch: chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh, đã bị phá sản.

Chiến thắng Việt Bắc là cái đà để nhân dân ta chuyển sang một thời kỳ mới của cuộc kháng chiến còn lâu dài, còn nhiều gian nan.

3. GIẢI PHÓNG TOÀN TỈNH – MỞ RỘNG CĂN CỨ ĐỊA VIỆT BẮC

Chiến thắng Việt Bắc làm cho so sánh lực lượng giữa ta và địch, nhìn chung cả nước, đã biến chuyển quân Pháp không thể tự do ào ạt tung lực lượng chiếm đất dễ dàng như lúc kháng chiến toàn quốc mới bùng nổ.

Năm 1948, thực dân Pháp chuyển sang chiến lược đánh kéo dài, bình định vùng địch đã chiếm đóng, lấn chiếm vùng tự do của ta. Tiếp đó, sang năm 1949, trước sự phát triển rộng rãi và mạnh mẽ của chiến tranh nhân dân trên cả nước ta và trước thắng lợi lớn của nhân dân Trung Quốc, thực dân Pháp vội vã tăng quân cho chiến trường Bắc Bộ, coi Bắc Bộ là chiến trường chính, mở rộng phạm vi chiếm đóng ở đồng bằng và trung du, tăng cường phòng thủ khu tứ giác: Lạng Sơn -Tiên Yên - Hải Phòng - Hà Nội, bao vây căn cứ địa Việt Bắc, phong tỏa biên giới Việt Trung. Chúng phát triển mạnh quân ngụy, củng cố ngụy quyền, lợi dụng đạt giáo, xúc tiến việc lập "Nước Nùng", "Nước Mường", "Nước Thái", thực hiện chính sách "Dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".

Sự chuyển hướng chiến lược cùng những kế hoạch quân sự của thực dân Pháp được đề ra từ đầu năm 1948, ngày càng được đế quốc Mỹ can thiệp và tiếp sức.

Về phía ta, năm 1948 là năm ta kiên quyết và có nhiều hình thức đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị, kinh tế và binh vận, phù hợp với từng chiến trường, từng vùng để đẩy mạnh chiến tranh toàn dân, toàn diện, đẩy mạnh các mặt công tác trong vùng địch tạm chiếm, biến hậu phương địch thành tiền phương ta, Sang năm 1949, trên cơ sở chiến tranh nhân dân địa phương phát triển rộng khắp, ta nhấn mạnh đến *việc xây dựng bộ đội chủ lực, coi đó là trung tâm công tác lúc này để từ chủ động chiến dịch đi đến chủ động chiến lược bộ phận một cách mạnh bạo hơn* tranh thủ thời cơ, giành thắng lợi lớn hơn.

Sau trận thua đau thu, đông 1947 ở Việt Bắc, thực dân Pháp vẫn chiếm đóng Cao Bằng, Lạng Sơn, Hải Ninh, duy trì và củng cố tuyến đường số 4 thành một phòng tuyến mạnh, thực hiện ý đồ của đế quốc Mỹ là ngăn chặn phong trào cách mạng phát triển xuống đông nam Châu Á.

Riêng trên địa bàn Bắc Thái, cho đến tháng 8 -1949, quân Pháp còn chiếm đóng thị xã Bắc Cạn, thị trấn Phủ thông (Bạch Thông), Nà Phặc, huyện lỵ, Ngân Sơn và Bằng Khẩu (Ngân sơn). Ngoài ra chúng còn lập một số đồn bốt khác để giữ đường số 3, đoạn từ Bắc Cạn đến đèo Cao Bắc.

Tình hình chung và nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ quân sự lúc này đòi hỏi phải mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, coi đây là một trong mấy vấn đề chiến lược hết sức quan trọng đối với cục diện chiến tranh.

Muốn vậy, điều cần thiết trước hết là phải đánh địch, giải phóng thị xã Bắc Cạn và mấy vị trí địch còn lại trên địa bàn tỉnh Bắc Thái. Tiếp đó, Bắc Thái còn phải cùng với quân và dân Việt Bắc tiến lên giải phóng biên giới Việt Trung, phá thế bao vây của địch, mở đường thông thương giữa Việt Nam với Quốc tế.

*

* *

Thực hiện nghị quyết hội nghị Trung ương Đảng (mở rộng) họp ngày 15-1-1948, Ban Chấp hành Đảng bộ Bắc Cạn mở Hội nghị quân sự toàn tỉnh ở Thượng Minh (Chợ Rã). Qua thảo luận. Hội nghị quân sự tỉnh quyết định: Củng cố dân quân du kích, tự vệ, tạo nhiều điều kiện cần thiết góp phần xây dựng bộ đội chủ lực và chuẩn bị cho chủ lực mở chiến dịch, đánh mạnh trên các trục giao thông, uy hiếp địch ở Phủ Thông và thị xã Bắc Cạn. Đồng thời phối hợp hỗ trợ với chủ lực, ra sức đấu tranh chính trị, tích cực bao vây kinh tế địch, phá hoại giao thông vận chuyển của địch.

Đảng bộ và nhân dân địa phương hết sức chú trọng công tác chính trị, tư tưởng, vạch trần những âm mưu của địch trong việc dựng lại bộ máy tay sai, chia rẽ các dân tộc, ly gián hàng ngũ kháng chiến. Nhiều hình thức tuyên truyền vận động nhân dân được tiến hành trong các vùng còn địch tạm chiếm,

đồng thời phân loại và trừng trị nghiêm khắc những tên ngoan cố tại Bằng Khẩu, bọn người Hoa từng hoạt động trong tổ chức Nam Dương Hoa kiều hiệp hội của Tưởng Giới Thạch, trở thành tay sai đắc lực cho thực dân Pháp. Chúng giúp Pháp, bắt mối với số phỉ ở Chợ Rã và Nguyên Bình (Cao Bằng), chỉ điểm cho quân Pháp khủng bố, càn quét. Chúng nhận vũ khí của Pháp để chống cách mạng và cướp bóc của cải của nhân dân. Thực hiện chủ trương phá tề, trừ gian của tỉnh, bộ đội địa phương và dân quân du kích được quần chúng giúp đỡ, đã trừng trị hơn ba mươi tên và cảnh cáo nhiều tay sai khác.

Đồng bào các dân tộc Bắc Cạn triệt để làm "vườn không nhà trống" xung quanh vị trí địch và dọc các trục đường giao thông, không cho chúng lợi dụng nguồn lương thực, thực phẩm tại chỗ. Việc tiếp tế cho hàng nghìn quân chiếm đóng trên địa bàn này trở thành một gánh nặng khiến Bộ chỉ huy Pháp không thể gánh nổi trong thời gian dài.

Đồng bào các dân tộc Bắc Thái đã hăng hái đi dân công. Hàng chục nghìn người tập trung lên mặt trận giao thông, phá hoại và gây cản trở cho địch. Gần 200km đường quốc lộ số 3 do ta cắt phá. Riêng 5 huyện thuộc Bắc Cạn đã đóng góp trên 50.000 ngày công vào việc phá hoại giao thông, đào gần một trăm nghìn hố cản xe tăng và ô tô với khối lượng trên hai trăm nghìn mét khối đất đá.

Mùa xuân, hè năm 1948, trung đoàn 72 và dân quân du kích trong tỉnh, đã diệt một số vị trí địch ở Lũng Vài, Lủng Phải, Khuội Dăm, Bằng Khẩu, đánh nhiều trận phục kích, tập kích trên đường số 3, pháo kích vào vị trí địch ở Phủ Thông Bắc Cạn. Tiếp đó, nhân ngày 1 tháng 5, một tiểu đoàn thuộc trung đoàn 72 (Bắc Thái), cùng với dàn quân du kích Bạch Thông, phục kích đoàn xe địch, diệt hơn 60 tên, phá hủy 4 xe, làm cho việc liên hệ, tiếp tế bằng đường bộ giữa các cứ điểm địch giảm sút hẳn.

Đầu tháng 6-1948, đại hội Đảng bộ Bắc Cạn quyết định tăng cường xây dựng lực lượng bộ đội địa phương và dân quân du kích, bổ sung thêm quân số, trang bị vũ khí, kiện toàn thêm về tổ chức. Điều cần thiết lúc này là phải tận dụng sự phối hợp hỗ trợ, giúp đỡ của bộ đội chủ lực tại mặt trận đường số

3 để thanh toán những cứ điểm địch vẫn còn khống chế một khu vực ở ngay trong lòng Việt Bắc chúng ta.

Đúng lúc này, tiểu đoàn 11, bộ đội chủ lực của Bộ Tổng chỉ huy được điều từ Thái Nguyên lên, phối hợp với địa phương, đánh đồn Phủ Thông. Đối với các đơn vị chủ lực thuộc Bộ tổng chỉ huy, trận này nhằm đánh giá kết quả của luyện quân lập công, thí nghiệm chiến thuật đánh cứ điểm bằng cường lập. Trên chiến trường Bắc Bộ, đến lúc này, bộ đội ta chưa tiêu diệt được cứ điểm cỡ một trung đội địch đóng giữ. Vì thế, viên chỉ huy Pháp ở cứ điểm Phủ thông do một đại đội địch đóng giữ, tỏ ra rất chủ quan, khinh thường đối phương.

Lần đầu tiên, tiểu đoàn 11 đánh cứ điểm với sự hiệp đồng của tiểu đoàn pháo binh 410. Trận Phủ thông nổ ra lúc chiều tối ngày chủ nhật 25 tháng 7 năm 1948. Cả 2 tên chỉ huy địch chết tại trận; gần trăm tên khác bị chết và bị thương.

Trận Phủ Thông mở đầu phong trào bộ đội ta thi đua luyện quân lập công, diệt các cứ điểm nhỏ của địch.

Từ chiến thắng Phủ Thông, quân và dân Bắc Cạn Bạch Thông, phát huy thế chủ động, liên tiếp mở những trận phục kích, tập kích, tiêu hao, tiêu diệt địch trên tuyến đường số 3. Công tác tuyên truyền vận động nhân dân trong vùng địch tạm chiếm và công tác vận động binh lính địch cũng được đẩy mạnh và có kết quả hơn.

Những hoạt động quân sự của trung đoàn 72, của dân quân du kích Bắc Cạn và chiến thắng Phủ Thông làm cho quân Pháp ở Bắc Cạn thêm cô lập, lúng túng.

Đầu tháng 8-1949, trung đoàn 72 dùng phân đội nhỏ đột kích sân bay Bắc Cạn, bắn pháo vào khu nhà kho lương thực, vũ khí.

Một số đơn vị bộ đội mới ở mặt trận đường số 4 về Sông Thao trở về Thái Nguyên, cũng được lệnh lên gấp Bắc Cạn chờ lệnh.

Sợ bị tiêu diệt, ngày 9-8-1949, quân Pháp ở Bắc Cạn vội vã cướp phá rồi rút chạy lên Cao Bằng.

Từ Bắc Cạn lên Cao Bằng là một vùng đồi núi trập trùng, địch huy động lực lượng khống chế chặt chẽ để bảo vệ cuộc rút chạy.

Tiểu đoàn 35 thuộc trung đoàn 72, với hầu hết cán bộ, chiến sĩ là người địa phương, thông thuộc địa hình, đã đi một vòng kín đáo, tiến lên Bằng Khẩu (Cao Bằng), đánh một trận nhanh, gọn trong ngày 15-8-1949, diệt hơn trăm tên địch, phá hủy 15 xe.

Lần đầu tiên, một thị xã quan trọng nằm giữa căn cứ địa Việt Bắc được giải phóng. Ta nhổ đi được mũi nhọn nguy hiểm mà Bộ chỉ huy Pháp đã cắm sâu giữa lòng Việt Bắc từ gần hai năm qua.

Kể từ đây, toàn bộ vùng đất Bắc Thái được giải phóng. Nhân dịp này, trong thư gửi đồng bào và lực lượng vũ trang nhân dân Bắc Cạn. Chủ tịch Hồ Chí minh viết: "*Thắng lợi này sẽ làm đà cho những thắng lợi khác to lớn hơn, vẻ vang hơn*".[(1)]

*
* *

Vùng đất Bắc thái được giải phóng, nhưng căn cứ địa Việt Bắc vẫn còn một vành đai xiết chặt. Đó là tuyến biên giới Việt - Trung, một dải núi rừng hiểm trở, từ tây bắc đến đông bắc, có đường chiến lược số 4, dài 300km, dọc theo biên giới, qua địa phận các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Hải Ninh, Quán dịch ở vùng biên giới này có tới 17 tiểu đoàn và 9 đại đội, trong đó có 4 tiểu đoàn Âu, Phi, làm lực lượng cơ động.

Tháng 6 - 1950, Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch biên giới, nhằm mục đích: "Tiêu diệt một bộ phận quan trọng trong sinh lực địch". "Mở đường giao thông quan trọng với Trung Quốc và thế giới dân chủ, đại hậu phương của ta". "Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc".

Từ thu, đông năm 1948, đến đầu năm 1950, bộ đội ta đã liên tiếp mở trên 30 chiến dịch nhỏ trên các chiến trường. Từ mùa xuân 1949 trở đi, mức tập trung chủ lực cho mỗi chiến dịch là, từ ba đến năm tiểu đoàn. Có lúc sử dụng tới 3 trung đoàn chủ lực và đơn vị tác chiến chủ yếu là tiểu đoàn. Sự phát triển

---

(1) Bác Hồ với Bắc Thái

về quy mô sử dụng chủ lực kéo theo mức ngày càng tăng về huy động sức người, sức của cho mỗi chiến dịch. Có chiến dịch đã phải huy động tới hàng trăm tấn lương thực, đạn dược và hàng vạn ngày công vận chuyển của nhân dân.

Từ thực tiễn, nói đến chiến dịch là nói đến hoạt động của bộ đội chủ lực của những binh đoàn mạnh đang tiến đến đánh cứ điểm địch, từ loại nhỏ, vừa, đến loại lớn hơn. Nói đến chiến dịch cũng là nói đến làm đường đến chuẩn bị chiến trường, chuẩn bị cơ sở nhân dân, điều tra tình hình địch, tổ chức việc tiếp tế, vận tải tới tận nơi bộ đội tác chiến.

Tiếp đó, còn phải thu dọn chiến trường, mở rộng đà thắng lợi, trong và sau tác chiến. Phải có những hoạt động ấy, mới có tác chiến của chủ lực. Một phần hoạt động ấy, do bộ đội ta gánh vác. Còn một phần rất lớn không thể không dựa, là sự nỗ lực của lực lượng vũ trang địa phương, dựa vào sức người, sức của và trí tuệ nhân dân các địa phương căn cứ địa. Thực tế, mở chiến dịch Việt Bắc. Đông Bắc, Tây Bắc v.v.. đều như thế !

Những chiến dịch nhỏ trước đây chỉ nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch và mở rộng thêm căn cứ.

Lần này, mở chiến dịch biên giới là nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng về chiến lược, có thể làm chuyển biến cục diện chiến tranh.

Chính vì vậy, Trung ương đảng giao cho Liên khu ủy Việt Bắc nhiệm vụ tổng động viên sức người, sức của toàn liên khu vào việc chuẩn bị và phục vụ chiến dịch biên giới.

Việc huy động dân công là nhiệm vụ rất lớn, được các cấp ủy Đảng và chính quyền các địa phương Việt Bắc đặc biệt quan tâm.

Căn cứ địa Việt Bắc sôi nổi chuẩn bị chiến dịch. Trên địa bàn tỉnh Bắc Thái, ngay sau ngày giải phóng Bắc Cạn. Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã được Trung ương chỉ thị phải nhanh chóng khôi phục mạng lưới giao thông, đặc biệt là đường số 3.

"Chiến dịch cầu đường lần thứ nhất" được phát động. Gần 50% số cán bộ các cơ quan Đảng, chính quyền, quân đội, đoàn thể quần chúng được tập

trung phục vụ chiến dịch này. Từ tỉnh đến các xã đều có Ban huy động dân công, do một ủy viên thường vụ phụ trách.

Đồng bào các dân tộc trong tỉnh tạm gác những khó khăn trong sản xuất, đời sống, hăng hái đi dân công sửa chữa cầu đường. Đồng bào vùng cao ở Bắc Cạn đi bộ hai, ba ngày mới đến công trường nhưng vẫn bảo đảm tập trung đúng ngày quy định, đủ số lượng.

Với tinh thần "Sửa chữa cầu đường như đánh địch" hướng tới 2 ngày kỷ niệm: Quốc tế lao động (1-5-1950) và ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1950). Sau hai tháng lao động khẩn trương, gần 5.000 dân công sở (kể cả số người do các tỉnh bạn chi viện) đã sửa chữa xong trước thời hạn 275km và 115 cầu cống. Ở Thái Nguyên, tổng số dân công huy động trong đợt này lên tới 3.100 người, sửa chữa xong trước thời hạn 72km đường. Kết quả là: quốc lộ số 3 từ thị xã Thái Nguyên đến địa giới với Cao Bằng được khơi thông. Cuối tháng 4 năm 1950, các xe vận tải của ta đã lăn bánh trên chặng đường mới khôi phục, đưa nhanh lương thực, vũ khí ra mặt trận.

Trong thư gửi Ban phụ trách xe hơi Bắc Cạn. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: …"Bắc Cạn được cái vinh dự là có xe hơi chạy đầu tiên ở Việt Bắc…có kết quả bước đầu, ấy là do cán bộ chính quyền và đoàn thể hợp tác chặt chẽ, công tác thiết thực, và nhờ đồng bào Bắc Cạn hăng hái sửa đường" [(1)]

Phát huy thành tích bước đầu, trong 6 tháng cuối năm 1950, cả Bắc Cạn và Thái Nguyên đều cố gắng vượt bậc trên mặt trận bảo đảm giao thông. Ngày 24-10-1950, Thường vụ Tỉnh ủy mở hội nghị quân, dân, chính để huy động khẩn cấp 2.000 dân công, cho các công trường khắc phục lũ lụt, bảo đảm thông xe trên các trục đường chính, sau 25 ngày. Mặc dầu đang mùa thu hái, lại bị lũ lụt tàn phá nhiều vùng, nhưng đồng bào các dân tộc vẫn hăng hái đi dân công. Tổng số ra mặt đường là 3.420 người. Do đó, chỉ trong 16 ngày, các cầu bị nước cuốn trôi được bắc lại, hàng nghìn khối đất đá do núi lở, được dọn sạch khỏi mặt đường. Quốc lộ số 3 đoạn qua Bắc Cạn lại đảm bảo cho xe

[(1)] Bác Hồ với Bắc Thái, Sở Văn hóa Thông tin, XB, Tập I

vận tải đi lại thông suốt. Các đường liên huyện như đường Bạch Thông - Chợ Đồn cũng được sửa xong, xe nhỏ đi lại được.

Ở Thái Nguyên, việc sửa đường, làm đường đi lên hướng biên giới được xúc tiến rất khẩn trương. Sau khi ta đánh Đông Khê, mở màn chiến dịch biên giới, Bộ chỉ huy Pháp quyết định rút bỏ thị xã Cao Bằng và tung gần 3.000 quân lên nhảy dù xuống Đồng Bẩm, đánh chiếm thị xã Thái Nguyên ngày 1-10-1950. Chúng tuyên truyền ầm ĩ về cái chiến dịch mang tên Phoque (hải cẩu) này để kéo chủ lực ta đang ở trên tuyến biên giới, phải bỏ cuộc, trở về bảo vệ căn cứ địa. Bộ Tổng Tư lệnh ta nắm đúng ý đồ của địch, vấn đề bộ đổi chủ lực tiếp tục chiến dịch biên giới, theo kế hoạch đã định. Ở Thái Nguyên đã có kế hoạch đối phó. Sau khi chiếm thị xã Thái Nguyên không còn người ở, quân địch xục xạo các vùng lân cận. Nhưng đến đâu chúng cũng bị bộ đội chủ lực (trung đoàn 246), bộ đội địa phương và dân quân du kích trừng trị, quấy rối, đánh tỉa, gây nhiều thương vong và làm địch luôn luôn bị động, căng thẳng. Đã không đỡ đòn được cho sự thất bại trên đường số 4, lại bị tổn thất nặng ở Thái Nguyên, ngày 10 -10- 1950, quân Pháp chạy khỏi thị xã và ngày 12-10-1950, chúng rút hết khỏi địa phận Thái Nguyên.

Thời gian quân Pháp tiến hành chiến dịch Phoque, nhân dân Thái Nguyên lại phá hoại các tuyến đường chính, gây cản trở không ít cho cuộc càn quét của địch. Trung tuần tháng 11 -1950, quân địch vừa rút, dân công Thái Nguyên lập tức lên sửa đường, tập trung vào tuyến đường chính là quốc lộ số 3, đoạn Bờ Đậu, Chợ Mới và đường 13A, đoạn Bờ Đậu - Đèo Khế.

Sửa đường, vận chuyển lúc này gay go như chiến đấu. Máy bay địch đánh phá, ngăn chặn ta, nhất là trên đường số 3. Tháng 5-1950, chúng phá Cầu Phà thị xã Bắc Cạn. Tháng 7-1950 và tháng 10-1950, hai cầu Nà Cù và Hòa Mục thuộc địa phận Bạch Thông cũng bị máy bay địch ném bom. Song, Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân Bắc Thái vẫn kiên trì bám mặt đường, bảo đảm giao thông vận chuyển thông suốt, phục vụ chiến dịch.

Thời gian các địa phương ở Việt Bắc nỗ lực phục vụ chiến dịch biên giới cũng là thời gian chiến trường toàn quốc có những đợt chiến đấu phối hợp có kết quả.

Trong chiến dịch Việt Bắc thu, đông 1947, bộ đội ta mới tiêu hao nặng 2 binh đoàn của địch và đuổi chúng ra khỏi căn cứ địa Việt Bắc. Trong chiến dịch biên giới năm 1950, bộ đội ta đã tiêu diệt hoàn toàn 2 binh đoàn thiện chiến của thực dân Pháp. Số vũ khí và đồ dùng quân sự thu được, đủ trang bị cho một đại đoàn. Năm thị xã, mười ba thị trấn, nhiều vùng đất đai quan trọng một dải biên giới dài 750km gần 35 vạn dân được giải phóng.

Căn cứ địa Việt Bắc được mở rộng và củng cố, đất nước ta nối liền với phe xã hội chủ nghĩa.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: "Thắng lợi ở Cao - Bắc - Lạng là thắng lợi chung của các chiến sĩ toàn quốc". Đồng thời Người có thư gửi đồng bào Cao -Bắc-Lạng, khen ngợi đồng bào, đặc biệt nêu cao công lao của phụ nữ Cao - Bắc-Lạng, hàng vạn chị em đã ***"Không quản ngại xa xôi, mệt nhọc, trèo non, lội suối, ăn gió nằm sương, đã thi đua làm việc sửa đường vận tải, giúp đỡ bộ đội, đã góp một phần vào thắng lợi"*** [(1)]

[(1)] Hồ Chí Minh tuyển tập, tập…Nhà xuất bản sự thật Hà Nội.

4.TỈNH CĂN CỨ HẬU PHƯƠNG KHÁNG CHIẾN

Sau chiến thắng biên giới, căn cứ địa kháng chiến của ta được mở rộng từ Việt Bắc nối thông với các căn cứ ở Liên khu 3, Liên Khu 4, tạo thành một hệ thống căn cứ liên hoàn – một vùng tự do rộng lớn trên đất Bắc Bộ.

Ở Miền Trung, nửa tỉnh Quảng Nam và cả tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên là vùng đất hoàn toàn tự do, cùng với các khu căn cứ Ba Tơ, Trà Bồng, Di Lăng, Minh Long, Bác Ái, Sơn Hà, tạo thành những căn cứ kháng chiến liên hoàn, trực tiếp của các chiến trường Liên khu 5 và phần nào cho cả Nam Bộ.

Ở Nam Bộ, chiến khu D, căn cứ Đồng Tháp, Dương Minh Châu, U Minh vẫn được giữ vững và hoạt động có kết quả.

Trong các thành thị, ta vẫn duy trì và phát triển được cơ sở chính trị, do đó vẫn giữ vững và đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở thành thị đi đôi với những hoạt động vũ trang. Tiến công ngày trong sào huyệt địch.

Như vậy là ngoài căn cứ địa hậu phương kháng chiến của cả nước là Việt Bắc, trên các chiến trường đều có những căn cứ địa của từng chiến trường, từng địa phương, từng vùng xung yếu. Từ chiến dịch biên giới chiến tranh nhân dân có sự phát triển quan trọng, từ đánh du kích lên đánh tập trung, đánh chính quy, đánh có hiệp đồng bộ binh, pháo binh, công binh. Nó đòi hỏi công tác hậu cần quân đội phải phát triển toàn diện hơn, to lớn hơn. Do đó, đến lúc này đi đôi với việc củng cố, mở rộng căn cứ địa hậu phương tại chỗ của từng chiến trường, ***càng phải hết sức coi trọng việc củng cố vững chắc căn cứ địa, hậu phương chung của cuộc kháng chiến cả nước là Việt Bắc.***

Căn cứ địa Việt Bắc, hậu phương chung của cả nước phải vững mạnh, để từ đây, Trung ương, Chính phủ lãnh đạo kháng chiến và điều động lực lượng cho cuộc kháng chiến trên cả nước. Đồng thời, các cơ sở quân giới, quân nhu, quân y, có điều kiện thí nghiệm và sản xuất, cung cấp những trang bị kỹ thuật ngày càng hiện đại cho quân đội. Lực lượng dự bị chiến lược được chuẩn bị,

để khi cần đưa vào trận đánh quyết định, nguồn bổ sung sức người, sức của cho những hoạt động tác chiến tập trung trên những chiến trường trọng yếu được bảo đảm và nguồn động viên tinh thần cả nước kháng chiến được thường xuyên, liên tục, có hiệu lực.

Tháng 2 năm 1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng họp, thông qua đường lối chính trị, quân sự, kinh tế. Đồng thời đề ra những chủ trương chính sách lớn về xây dựng quân đội, về xây dựng hậu phương kháng chiến và về động viên nhân lực, vật lực tài lực phục vụ kháng chiến.

Tháng 1 năm 1953, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp lần thứ tư, thông qua cương lĩnh của Đảng về cải cách ruộng đất. Tháng 4 năm 1953. Chính phủ ban hành những sắc lệnh và nghị định về ruộng đất. Đây là bước phát triển rất quan trọng của cách mạng Việt Nam, thiết thực giải phóng người nông dân lao động, thúc đẩy sản xuất, bồi dưỡng lực lượng kháng chiến.

Vào thời gian này, thực dân Pháp, một mặt dùng phòng tuyến boong-ke bao quanh trung du và đồng bằng bắc bộ, đối phó với bộ đội chủ lực ta đang lớn mạnh, đồng thời dùng "Chiến tranh tổng lực", bình đinh vùng tạm bị chiếm, vùng du kích để vơ vét sức người, sức của của ta. Mặt khác, chúng ráo riết phá hoại vùng tự do, vùng căn cứ hậu phương kháng chiến của ta bằng biệt kích, thổ phỉ, gián điệp, máy bay oanh tạc chiến tranh tâm lý, bao vây kinh tế.

Mặc dù gặp thời tiết không thuận và quân thù ra sức phá hoại, bao vây, phong tỏa nhưng tình hình sản xuất lương thực của ta có tăng lên, kinh tế tài chính có phát triển, nhân dân không những đủ ăn mà còn đóng góp được cho kháng chiến. Thuế nông nghiệp thu được đủ ở cả vùng tự do và vùng sau lưng địch, làm cho nguồn thu chắc chắn hơn trước và mỗi năm một tăng.

Khôi phục, xây dựng mạng đường giao thông vận tải trong thời gian này là vấn đề chiến lược quan trọng. Nhân dân ta đã sửa chữa các con đường về trung du, Phú Thọ…Thái Nguyên, thông xuống liên khu 3, 4 - khởi công làm đoạn đường ô tô từ Ba Khe (Yên Bái) lên Tụ Khoa (Sơn La), sửa chữa các

con đường nối Việt Bắc với Tây Bắc với Liên khu 3, Liên khu 4. Tổng số các con đường ở vùng hậu phương chiến trường chính dài tới 2.369km, đấy là chưa tính các chiến trường khác.

Những chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ về xây dựng hậu phương kháng chiến lúc này là đúng đắn, phù hợp nên chỉ trong thời gian ngắn, tiềm lực của hậu phương đã vững hơn trước nhiều, đáp ứng tốt hơn, nhu cầu kháng chiến, nhu cầu quân sự đang tăng.

*

* *

Chiến dịch biên giới - còn được gọi là chiến dịch Cao - Bắc -Lạng -thắng lợi to lớn và việc quân Pháp bị tổn thất trong cuộc hành binh bị động: Phoque, buộc phải rút hết quân khỏi địa phận Thái Nguyên đã cắm một cột mốc mới trên đường kháng chiến lâu dài. Từ đây, ra sức *xây dựng tiền lực kinh tế, chính trị, quân sự của tỉnh; phát huy hơn nữa khả năng sẵn có và còn có thể có một trung tâm tỉnh căn cứ vững chắc ở Việt Bắc - hậu phương kháng chiến chung của cả nước* là nhiệm vụ hàng đầu, nhiệm vụ cơ bản và cũng là nhiệm vụ cấp bách. Đại hội lần thứ hai của Đảng - Đại hội kháng chiến, đã nhấn mạnh rằng: vấn đề xây dựng căn cứ địa, hậu phương kháng chiến chung là "Một vấn đề chiến lược quan trọng ngang hàng với vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang, không thể tách rời với vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang. Vì không xây dựng căn cứ địa tức là không tích cực bồi dưỡng. Phát triển lực lượng của nhân dân, tức là không tích cực bồi dưỡng nguồn nhân lực, vật lực cần thiết cho việc xây dựng và phát triển quân đội" [(1)]

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo nói trên, Đảng bộ Bắc Thái mở cuộc vận động củng cố chi bộ cơ sở.

Dưới ánh sáng của Đại hội toàn quốc lần thứ hai của Đảng. Đảng bộ tỉnh Bắc Thái đã tăng cường công tác xây dựng Đảng, làm cho công tác xây dựng Đảng luôn gắn liền với nhiệm vụ trung tâm ở địa phương. Thái Nguyên và Bắc Cạn đều mở Đại hội Đảng bộ. Đến lần này, tính chung cả Bắc Thái, đội

[(1)] Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng - Văn kiện toàn quốc đại biểu đại hội lần thứ hai của Đảng (2-1951)

ngũ đảng viên lên tới trên 9.000 (chiếm khoảng 3% số dân). Đại hội Đảng bộ đã đánh giá tình hình và đề ra những công tác mới, trong đó công tác cấp bách là kiện toàn bộ máy lãnh đạo ở huyện và ở xã, tăng cường kiểm tra công tác phát triển Đảng, tổ chức chi bộ theo đúng điều lệ Đảng xây dựng chi bộ kiểu mẫu, thanh toán chi bộ kém, nát mở cuộc vận động củng cố chi bộ trong toàn tỉnh, gắn liền việc củng cố chi bộ với việc thực hiện các nhiệm vụ trung tâm của cách mạng và kháng chiến như cuộc vận động sản xuất và tiết kiệm, trật tự an ninh, thuế nông nghiệp, tạm vay, dân công hỏa tuyến, cuộc vận động toàn dân xây dựng lực lượng vũ trang, toàn dân tích cực động viên phong trào tòng quân, thực hiện tốt chính sách thương binh, gia đình liệt sĩ. Năm 1953, tỉnh tổng kết cuộc vận động củng cố chi bộ cơ sở và chi bộ xã, tiến hành đại hội đảng viên, chuẩn bị cho việc thực hiện cách mạng dân chủ, thanh thải những người không đủ tư cách ra khỏi hàng ngũ Đảng, bầu những đảng viên có bản chất giai cấp vững vàng, qua thử thách trong đấu tranh cách mạng ở cơ sở vào Chi ủy và phân công đảm nhiệm những cương vị lãnh đạo chủ chốt ở xã.

Những kết quả đạt được trong việc củng cố chi bộ, kiện toàn cấp ủy, đào tạo cán bộ v.v… đã tạo điều kiện cơ bản cho Đảng bộ chỉ đạo tiến hành các công tác Mặt trận - Dân vận và củng cố chính quyền các cấp.

Do vị trí mỗi vùng, việc củng cố chi bộ cơ sở thường phải gắn liền với việc thực hiện trọng tâm công tác ở từng vùng. Bước vào thời kỳ mới. Đảng bộ Bắc Thái tiếp tục quan tâm đến việc *xây dựng, củng cố cơ sở chính trị, an ninh vùng đất phía bắc huyện Chợ Rã* (nay thuộc Cao Bằng). Vùng núi cao hiểm trở này có hơn 10 xã. Từ sau cách mạng tháng Tám đến đây, vùng này vẫn có bọn phỉ hoạt động phá hoại, lúc đầu do đặc vụ Tưởng Giới Thạch chỉ huy, sau đó thực dân Pháp nuôi dưỡng, phát súng, trả lương để bọn phỉ quấy rối, phá hoại hậu phương ta theo kế hoạch của Pháp.

Từ năm 1947. Trung đoàn 72 (Bắc Thái) đã lập ra đội vũ trang tuyên truyền, tổ chức, vận động quần chúng nhân dân địa phương tiểu phỉ. Một thời gian sau, công tác tiểu phỉ thu được kết quả tốt. Trung đoàn 72 rút đơn vị về

phía nam tham gia chiến dịch. Trong 2 năm 1948-1949, địa phương đã đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, phát triển các đoàn thể quần chúng rộng khắp vùng cao, đồng thời củng cố dân quân du kích làm nòng cốt cho quần chúng tiến công địch về chính trị, quân sự, kinh tế.

Bị thua ở mặt trận đường số 3, thực dân Pháp ráo riết giúp bọn phỉ quấy rối, phá hoại, gây nhiều tội ác. Các lực lượng vũ trang Bắc Cạn đã phối hợp với các lực lượng tỉnh Cao Bằng, mở đợt vây quét các hang ổ phỉ, trừng trị một số tên ngoan cố, đưa được hàng chục gia đình trở về làng làm ăn.

Đến năm 1953, bọn trùm phỉ lại liên hệ được với Pháp, tiếp nhận vũ khí do máy bay Pháp thả xuống, trắng trợn cướp phá, giết chóc ở vùng Bản Nạm (Xã Bằng Thành) rồi lan tràn ra cả một vùng rừng núi phía bắc, làm cho hậu phương của tỉnh, lúc này, căng thẳng, Tiểu phỉ trở thành một công tác hàng đầu của Bắc Cạn.

Để hỗ trợ các cơ sở làm tốt công tác tiểu phỉ, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc quyết định thành lập "Ban chỉ đạo công tác tiểu phỉ, khu vực giáp giới bốn tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Bắc Cạn". Nhờ có sự thống nhất chỉ đạo về kế hoạch, biện pháp và lực lượng làm công tác tiểu phỉ của 4 tỉnh trên một khu vực địa giới chung, cho nên công tác tiểu phỉ ở Bắc Cạn tiến triển thuận lợi hơn. Từ một vài bản trọng điểm (Bản Nghiển, bản Mạn), đã mở rộng cuộc vận động tiểu phỉ ra các xã khác. Qua cuộc vận động tiểu phỉ, nhìn chung, các cơ sở đã tổ chức được nông hội, các tổ bảo vệ, phụ nữ, phụ lão, dân quân v.v…

Để diệt trừ nạn phỉ, còn phải quan tâm xóa bỏ những kẽ hở trong cơ sở xã hội vùng cao như nạn đói, nạn dốt, lối sống du canh du cư. Chú trọng tổ chức và đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, ổn định đời sống cho đồng bào các dân tộc. Tính chung cuộc vận động, các xã đã cấp cho hơn hai trăm gia đình vẫn sống du canh du cư hoặc đi định canh gần 20 héc -ta ruộng và hơn 10 héc -ta soi, bãi. Đảng bộ huyện còn vận động cán bộ, bộ đội nhân dân, góp lương thực, quần áo ủng hộ số đồng bào ở trong các vùng bị phỉ cướp phá nặng nề nhất.

Qua cuộc vận động gần hai năm, những hậu quả nặng nề do phỉ gây ra, bước đầu được khắc phục. Đời sống kinh tế, văn hóa của nhân dân được ổn định dần. Sự giác ngộ của đồng bào được nâng lên. Vùng đất hiểm trở phía bắc tỉnh trở lại ổn định. Hàng trăm quần chúng nghèo khổ, từng là nạn nhân của những mưu đồ đen tối, thực sự được giải phóng. Cuộc vận động tiễn phỉ thực chất là một cuộc biến đổi cách mạng, xây an ninh nền móng quốc phòng vững mạnh trên một vùng núi hiểm trở của tỉnh căn cứ địa hậu phương kháng chiến.

*
* *

Cũng như tất cả các địa phương khác trong căn cứ địa Việt Bắc, hậu phương kháng chiến của cả nước, từ sau đại hội Đảng bộ tỉnh, tức là từ giữa năm 1951 đến năm 1954, Đảng bộ, chính quyền đoàn thể quần chúng và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã *tăng cường nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, phát triển thêm số lượng, tăng cường thêm chất lượng,* để sẵn sàng chiến đấu cùng bộ đội và đồng bào các dân tộc Bắc Thái bảo vệ các cơ quan Trung ương. Chính phủ, bảo vệ các cơ sở của Nhà nước, của quốc phòng và của nhân dân trên các địa phương. Đến lúc này, hầu như các cơ quan Trung ương, Chính phủ đã ổn định địa điểm làm việc, sinh hoạt trên từng khu vực và giữa các khu vực đều đã có mạng lưới thông tin, liên lạc giúp việc chỉ đạo, chỉ huy thông suốt nhanh chóng. Ngoài ra còn có những trạm đón tiếp, nơi hội họp, các trường đào tạo hoặc bổ túc cán bộ chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa từ khắp nơi trong toàn quốc đến và một thời gian sau lại tỏa đi khắp các liên khu, các chiến trường. Với cả một hệ thống cơ quan như thế, lại ở trên những địa bàn rừng núi có địa thế khác nhau, khoảng cách không gần nhau, dù có đến bao nhiêu bộ đội cảnh vệ cũng không đủ để làm nhiệm vụ bảo vệ thường xuyên, liên tục. Tổ chức bảo vệ an toàn ở đây có phần do từng cơ quan, từng khu vực tự gánh vác, tự bảo vệ có phần do bộ đội đứng trên những vị trí xung yếu, Còn phần lớn, phần cơ bản và phần rộng khắp, chính là lòng tin của nhân dân đối với đảng và Chính phủ, là tai mắt, là

tinh thần cảnh giác là mạng lưới phòng gian bí mật của toàn dân, cô dân quân du kích, tự vệ, công an làm nòng cốt, luôn luôn cảnh giác và sẵn sàng bảo vệ Đảng và Chính phủ như bảo vệ chính cuộc sống của mình.

Đi đôi với nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, bảo vệ khu căn cứ an toàn của Trung ương và Chính phủ ở phân tán trên một số huyện, tỉnh Bắc Thái còn là nơi ra đời Đại Đoàn 308, đại đoàn chủ lực đầu tiên của quân đội nhân dân Việt Nam. Lễ thành lập được tổ chức tại đồn Đu (Thái Nguyên) ngày 28-8-1949, tức là khoảng 20 ngày sau giải phóng Bắc Cạn. Trong ngày vui đó, đồng bào trong tỉnh đến dự lễ được chứng kiến bộ đội ta trong từng hình khối bộ binh, pháo binh, công binh, thông tin…tiến bước trong tiếng nhạc quân hành. Vẫn bộ quân phục vải thô, vấn mũ lá, dép cao su, nhưng vũ khí thì khác xa ngày 2 tháng 9 năm 1945. Súng trường, súng máy, súng cối, máy thông tin, hầu hết là tước đoạt từ tay địch.

Cùng thời gian này, ngoài đại đoàn chủ lực 308, Bộ Tổng Tư lệnh còn quyết định xây dựng những trung đoàn mạnh ở các liên khu. Trung đoàn 28 (Lạng Sơn), trung đoàn 72 (Bắc Cạn), trung đoàn 74 (Cao Bằng) thuộc liên khu 1 được tổ chức thành trung đoàn 174, trực thuộc Bộ Tổng Tư lệnh. Đại bộ phận cán bộ, chiến sĩ trung đoàn này là người Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Cạn, Thái Nguyên, con em các dân tộc Việt Bắc.

Tiếp theo đó, Bắc Thái, với nhiều loại địa hình, với khả năng huy động sức người, sức của, đã là nơi diễn ra nhiều cuộc luyện quân, nhiều lần diễn tập của các binh đoàn chủ lực trước ngày xuất phát, đi tới những trận đánh lớn 1953-1954, đưa kháng chiến và cách mạng chuyển sang thời kỳ mới.

Quân đội nhân dân phải tiến nhanh trên con đường xây dựng và tác chiến tập trung, đánh lớn, đánh hiệp đồng binh chủng, đánh dài ngày và nơi diễn ra trận đánh ngày càng cách xa căn cứ địa hậu phương Việt Bắc. Khối lượng vật chất mà hậu cần quân đội phải đưa tới chiến trường ngày càng to lớn, thời gian bảo đảm kịp kế hoạch tác chiến theo thời tiết, thời cơ ngày càng khẩn trương. Vì thế, sửa chữa cầu đường cũ và làm mới những cầu đường vươn tới chiến trường, theo sự phát triển của những chiến dịch, vốn đã cấp bách, ngày

càng trở nên cấp bách hơn. Trong khi đó, khí hậu, thời tiết gây một phần khó khăn. Còn khó khăn trở ngại nữa là quân thù điên cuồng đánh phá quyết liệt các cầu, bến phà, và nhiều đoạn hiểm yếu trên khắp các tuyến đường như: bến phà, Bắc Cạn, Thác Oánh, Chợ Mới, Đèo Giàng, Đèo Hanh, Đèo Khế v.v…

Đây là một mặt trận quyết liệt, một cuộc chiến đấu đối mặt, nóng bỏng với quân thù. Thực hiện lời hứa trước đại hội toàn quốc lần thứ hai của Đảng (2-1951), Bắc Thái đã tăng cường chỉ đạo và kiện toàn bộ máy, đưa các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của các cấp ủy Đảng trực tiếp tham gia các Ban chỉ huy bảo đảm giao thông Trung ương tăng cường thêm cho tỉnh một số liên phân đội thanh niên xung phong, gồm thanh niên nam, nữ miền xuôi lên và thanh niên nam, nữ các dân tộc địa phương. Ban thường vụ Trung ương Đảng, Chính Phủ và Chủ Tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến công tác bảo đảm giao thông và rất chú ý đến thế hệ trẻ được giao gánh vác nhiệm vụ khó khăn này. Dù bận nhiều việc Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn quan tâm theo dõi, động viên, chăm sóc các chiến sĩ trẻ trên mặt trận bảo đảm giao thông. Ngày 28-3-1951, Người trực tiếp đi kiểm tra việc sửa chữa đường số 3, từ Thái Nguyên tới Cao Bằng trong hơn một tuần lễ. Người đã vào thăm cán bộ và đội viên phân đội thanh niên xung phong trên trọng điểm Đèo Giàng (Quốc lộ số 3). Người nhắc Ban chỉ huy công trường và cán bộ, đội viên thanh niên xung phong đoàn kết, thương yêu nhau, tổ chức tốt lao động và thi đua để mau chóng hoàn thành nhiệm vụ. Người đã thưởng huy hiệu cho 12 chiến sĩ thi đua và tặng toàn thể cán bộ, đội viên thanh niên xung phong mấy câu thơ

"Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên"

Trong chiến dịch cầu đường lần thứ hai, ở Bắc Cạn hơn 3.000 dân công, đem theo lương thực, dụng cụ và 1.200 trâu, hăng hái lên công trường. Dân công và thanh niên đào đắp hàng vạn mét khối đất, đá, khai thác hàng nghìn

cây gỗ, sửa chữa mặt đường, làm mới nhiều cầu bị bom đạn địch và mưa lũ phá hoại.

Ở Thái Nguyên, ngoài việc góp hàng nghìn lao động cho các tỉnh bạn mở đường và vận chuyển hàng hóa ra mặt trận, nhân dân đã góp 134.100 công để sửa chữa và mở rộng các tuyến đường ở địa phương.

Riêng năm 1952, thực dân Pháp đã huy động hàng nghìn lần chiếc máy bay đến đánh phá các tuyến đường thuộc địa phận Bắc Cạn, ném xuống 13.900 quả bom các loại: bom phá, bom chậm nổ, bom bướm v.v….Ta đã kịp thời làm nhiều cầu ngầm, bến phà, đường nhánh, đường tránh mới, nhất là trên quốc lộ số 3. Đáng chú ý là con đường tránh Đèo Giàng, dài 10.000 mét, bảo đảm vận chuyển hàng hóa thông suốt qua một trong những trọng điểm nóng bỏng nhất. Lực lượng phòng không tuy còn non trẻ của ta, đã bắt đầu đánh trả máy bay địch, không để chúng tự do hoành hành như trước.

Vận dụng quan điểm chiến tranh nhân dân của Đảng vào trong công tác bảo đảm giao thông vận tải; các cấp ủy Đảng. Chính quyền địa phương, tính đến năm 1954, đã thành lập 331 tổ nhân dân, thu hút 4.901 người (góp phần làm nhiệm vụ bảo vệ cầu đường).

Vừa sản xuất, vừa đề cao cảnh giác, các tổ viên tổ bảo vệ cầu đường, là những người có mặt sớm trên các trọng điểm sau khi địch đánh phá, tham gia tích cực vào việc khắc phục hậu quả. “Tăng bo” hàng hóa, giải phóng xe, bảo vệ kho, theo dõi và chặn tay bọn phá hoại

Những cố gắng to lớn của nhân dân các dân tộc trong tỉnh trên mặt trận giao thông, vận tải, được đánh giá cao, coi đây là một lĩnh vực hoạt động có sự đóng góp cao nhất trong tất cả các mặt đóng góp của một tỉnh căn cứ địa hậu phương kháng chiến chống Pháp.

Chính phủ đã trao tặng nhiều huân chương, huy chương cho đơn vị và cá nhân. Riêng Bắc Cạn còn được giữ là cờ luân chuyển “Thi đua khá nhất” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Giữa lúc địch tập trung bom đạn đánh phá những trọng điểm giao thông vận chuyển từ hậu phương tiếp sức ra mặt trận Điện Biên Phủ, Chủ tịch Hồ

Chí Minh lại trực tiếp đi kiểm tra động viên các lực lượng dân công và thanh niên xung phong đang làm nhiệm vụ sửa chữa cầu đường và Người đã đến xem xét khu vực Đèo Khêm tiếp giáp Thái Nguyên - Tuyên Quang. Đây là lần thứ ba, từ sau chiến dịch biên giới, Bác Hồ đã đến với trận địa giao thông, đến với dân công, thanh niên xung phong dũng cảm bảo đảm giao thông vận chuyển như các chiến sĩ dũng cảm giết giặc, lập công ngoài mặt trận

*

* *

Kháng chiến phải đi đôi với kiến quốc, động viên sức người, sức của cho tiền tuyến phải đi đôi với bồi dưỡng sức dân. Mở đầu cuộc vận động *thi đua Ái Quốc* trong nhân dân và bộ đội, trong tất cả các ngành, các địa phương. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói "Vận động thi đua phải cân đối cả hai mặt: chiến đấu và sản xuất, kháng chiến và kiến quốc, có ăn no, mặc ấm thì sức chiến đấu mới cao".

Tháng 11 năm 1953. Hội nghị toàn quốc của đảng quyết định về chính sách cải cách ruộng đất. Trong báo cáo đọc trước Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa 1, họp kỳ thứ 3 (1-11-1953). Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ.

"Cải cách ruộng đất thành công sẽ giúp chúng ta khắc phục được nhiều khó khăn, giải quyết được nhiều công việc. Về quân sự, đồng bào nông dân sẽ thêm hăng hái tham gia kháng chiến, do đó mà việc mở rộng quân đội và huy động dân công sẽ dễ dàng hơn…Về kinh tế, được giải phóng khỏi ách địa chủ phong kiến, nông dân vui vẻ tăng gia sản xuất và tiết kiệm, sức tiêu thụ sẽ tăng thêm, công thương nghiệp sẽ phát triển, toàn bộ kinh tế quốc dân được mở mang. Nhờ tăng gia sản xuất mà đời sống của nông dân, công nhân, bộ đội, cán bộ đều được cải thiện mau hơn".

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, dưới chính thể Dân chủ cộng hòa, bằng việc thực hiện các chính sách dân chủ. Đảng bộ và chính quyền các cấp trong tỉnh đã hạn chế một phần sự bóc lột của giai cấp địa chủ đối với nông dân. Hàng ngàn héc -ta ruộng đất của bọn chủ người Pháp, bọn việt gian phản

động và địa chủ vắng mặt, bị chính quyền tịch thu, chia cho nông dân. Mức địa tô từ 75% đã hạ xuống bình quân 50%. Nhiều người nghèo là con nợ của bọn nhà giàu đã được giải phóng.

Nhưng, những kết quả trên chỉ là bước đầu của quá trình cách mạng dân chủ. Hàng vạn mẫu ruộng còn trong tay giai cấp địa chủ. Hằng chục ngàn nông dân trong tỉnh không có hoặc có ít ruộng đất để cày cấy, do đó, còn bị địa chủ bóc lột. Nông dân chưa thực sự được giải phóng. Sức sản xuất của xã hội ta còn bị kìm hãm. Hơn tất cả là chế độ người bóc lột người chưa bị xóa bỏ.

Kháng chiến đã trải qua 6 năm, bộ đội ta đã liên tiếp mở nhiều chiến dịch thắng lợi, giải phóng nhiều vùng đất đai. Căn cứ địa Việt Bắc ngày càng được củng cố, tạo điều kiện cơ bản để Đảng ta thực hiện những bước cao hơn trong tiến trình cách mạng dân chủ, trước hết là trên mặt trận chống phong kiến ở những vùng giải phóng.

Là một tỉnh trung tâm căn cứ kháng chiến, Bắc Thái đã được Đảng, Chính phủ, Hồ Chủ tịch nhiều lần chọn làm địa bàn thử nghiệm đường lối, chủ trương, chính sách về kháng chiến, về kiến quốc. Năm 1952, vinh dự là nơi thí điểm thực hiện chính sách giảm tô và sau đó là luật cải cách ruộng đất.

Từ thắng lợi ở hai xã thí điểm giảm tô (Xã Đồng Bẩm và xã Dân Chủ), theo gương đó, nông dân 208 xã trong toàn tỉnh đã vùng lên đấu tranh buộc bọn địa chủ phải thực hiện đầy đủ chính sách giảm tô, giảm tức. Cuộc đấu tranh thắng lợi đã đem lại cho nông dân, trước hết là bần cố nông hàng ngàn tấn thóc do chủ ruộng phải thoái tô. Người cày ruộng rẽ đã được hưởng thành quả lao động.

Tháng 11-1953, Chính phủ kháng chiến ban hành luật cải cách ruộng đất. Thí điểm luật đó trên 6 xã của huyện Đại Từ, thuộc tỉnh Bắc Thái đã chứng minh đường lối cách mạng của Đảng ta hoàn toàn là đúng đắn. Cách mạng ruộng đất là một tất yếu và được tiến hành ngay trong lúc còn kháng chiến.

Hơn các địa phương khác, do là tỉnh trung tâm căn cứ kháng chiến, Bắc Thái được sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương, đã từ thắng lợi của 6 xã thí điểm liên tiếp tổ chức ba đợt cải cách ruộng đất ở các xã thuộc các huyện phía nam tỉnh.

Cùng với các chiến sĩ trên mặt trận chống đế quốc, giai cấp nông dân trong tỉnh nổi dậy làm cuộc cách mạng chống phong kiến sâu sắc nhất, triệt để nhất, xóa bỏ giai cấp địa chủ, xóa bỏ chế độ chiếm hữu ruộng đất, nguồn gốc sinh ra chế đọ người bóc lột người.

Thắng lợi của các đợt CCRĐ đã giải phóng cho hàng vạn nông dân khỏi ách áp bức bóc lột của giai cấp địa chủ, trả lại cho nông dân hàng vạn héc ta ruộng đất, hàng trăm trâu bò và nông cụ. Tính ra, từ sau cách mạng tháng Tám đến 1954, tỉnh ta đã tịch thu. Trưng thu, trưng mua của địa chủ (cả người Pháp lẫn người Việt) 5.854 ha ruộng đất, chia cho 16.587 hộ nông dân. Người nhiều nhất được một mẫu Bắc Bộ, người ít nhất cũng được 3 sào Bắc bộ.

Thắng lợi của giảm tô, cải cách ruộng đất, đã có sức động viên to lớn đối với các chiến sĩ ngoài mặt trận, nhất là những người là nông dân mặc áo lính. Nhân dân còn bị địch tạm chiếm trong cả nước càng dốc sức cho kháng chiến chóng thắng lợi để được cuộc sống như nhân dân vùng tự do sau cải cách ruộng đất. Kháng chiến mạnh lên về vật chất và tinh thần. Căn cứ kháng chiến được củng cố thêm một bước.

Để xóa bỏ tận gốc chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất ở nông thôn. Đảng chủ trương thiết lập quan hệ sản xuất mới ở thôn, xã ngay sau khi đã hoàn thành thắng lợi giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất. Ngay từ năm 1950, đã có 34.764 hộ nông dân trong tổng số 53.199 hộ được chính quyền cơ sở và Nông hội hướng dẫn lập kế hoạch sản xuất gia đình. Hàng trăm tổ đổi công được xây dựng ở khắp các thông, xã. Những việc làm trên, một mặt bước đầu hướng dẫn nông dân sản xuất theo kế hoạch, mặt khác, tạo dần cách làm ăn tập thể và hỗ trợ nhau sản xuất ở nông thôn. Nhờ đó, những năm 1952, 1953, trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, dù trong điều kiện chiến tranh,

chẳng những tỉnh ta đã mở rộng diện tích lúa trên 5.000 mẫu Bắc Bộ bằng khai hoang, phục hóa mà còn đưa những tiến bộ mới về kỹ thuật nông nghiệp và đồng ruộng, làm cho năng suất lúa cao hơn trước. Thu hoạch của nông dân tăng dần, mở ra những triển vọng tốt đẹp của nền kinh tế tự cấp tự túc của một tỉnh căn cứ địa kháng chiến.

Đi đôi với nhiệm vụ phát triển kinh tế, sự nghiệp văn hóa xã hội ở một tỉnh trung tâm căn cứ địa kháng chiến của cả nước được đặt ra, như một mũi nhọn, một nhiệm vụ chiến lược của Đảng bộ tỉnh Bắc Thái trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp, vừa phải xóa bỏ tàn du văn hóa nô dịch do chế độ cũ để lại mà cơ sở của nó đã có hàng ngàn năm dưới chế độ phong kiến và ngót trăm năm dưới chế độ thực dân đế quốc, vừa phải xây dựng một nền văn hóa xã hội mới từ hai bàn tay trắng, thiếu cán bộ, thiếu kinh nghiệm và vừa phải chống lại sự phá hoại của kẻ thù cả bằng bom đạn, cả bằng tuyên truyền trong quá trình xây dựng.

Được sự quan tâm của Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch, nắm vững đường lối vừa kháng chiến vừa kiến quốc, Đảng bộ Bắc Thái, từng bước giải quyết có kết quả và thu được những thắng lợi hết sức to lớn trong sự nghiệp văn hóa, xã hội, trong những năm kháng chiến. Ngay năm 1947, nằm giữa hai gọng kìm vây ráp của thực dân Pháp, bảy vạn người lớn trong tỉnh vẫn đến lớp học bình dân học vụ, hàng chục ngàn trẻ em vẫn giữ đều các buổi học. Giặc đến tạm lánh, giặc đi lại đến lớp. Đến 1954, trên 3/5 số xã trong tỉnh đã thanh toán xong nạn mù chữ, một số xã được thưởng huân chương do có thành tích xóa nạn mù chữ. Xã nào cũng có trường Phổ thông cấp I. Mạng lưới y tế tuy chưa có quy mô lớn như sau này, nhưng mỗi huyện đã có một Phòng y tế, có trạm phát thuốc; mỗi xã có một tủ thuốc, do một y tá phụ trách; ít nhất mỗi xóm có một cứu thương hoặc một chiến sĩ vệ sinh: mỗi gia gia đình có một túi thuốc phòng bệnh. Điều quan trọng hơn cả là nếp sống vệ sinh đã đi vào từng nhà, từng người và nhân dân đã biết dùng thuốc để chữa bệnh. Trường Y tế của tỉnh đã đào tạo hơn 300 y tá, hộ sinh và vệ sinh viên cho cơ sở.

Các thói quen lạc hậu được xóa bỏ, xã nào cũng có hương ước xây dựng nông thôn mới. Hàng vạn gia đình trong tỉnh đăng ký thi đua xây dựng gia đình đời sống mới kiểu mẫu. Bộ Nội vụ hai lần họp với các huyện trong Liên khu Viêt Bắc tại Bắc Thái để trao đổi kinh nghiệm xây dựng xã, huyện kiểu mẫu. Ánh sáng văn hóa của Đảng soi sáng khắp bản, làng.

Hội, Đoàn cách mạng được xây dựng, củng cố và phát triển khá vững chắc từ tỉnh xuống cơ sở. Mọi lứa tuổi mọi tầng lớp đều sinh hoạt trong các tổ chức hội, Đoàn cách mạng của mình. Người dân vùng tự do, khu căn cứ kháng chiến, có đời sống tinh thần, vật chất và trình độ văn hóa cao hơn hẳn vùng tạm bị chiếm.

Không những về kinh tế mà sự nghiệp văn hóa, giáo dục, xã hội của Bắc Thái cũng trưởng thành theo kháng chiến.

Đông xuân 1953-1954, cuộc kháng chiến của nhân dân ta đi vào giai đoạn cuối. Tại Khu An toàn (thuộc huyện Định Hóa) Trung ương Đảng, Chính phủ và Bộ Tổng tư lệnh xem xét các vân đề về quân sự, chính trị, kinh tế và xã hội. nhằm đưa cuộc kháng chiến mau đến thắng lợi.

Ngày 6-12-1953. Bộ chính trị Trung ương Đảng họp tại Khu an Toàn, thông qua kế hoạch tác chiến chiến cuộc Đông xuân 1953-1954 của Bộ Tổng Tư lệnh và quyết định mở chiến dịch lịch sử: Điện Biên Phủ.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong tỉnh Bắc Thái sôi nổi chuẩn bị cho một trận đánh lịch sử. Bộ đội chủ lực đóng trên đất Bắc Thái, ráo riết luyện quân diễn tập đánh tập đoàn cứ điểm. Các kho gạo, muối, vũ khí đạn dược…theo dân công Bắc Thái, bằng xe thồ, xe trâu và đôi vai, rầm rập trên các nẻo đường sang Tây Bắc.

Mặc dù đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn, thiếu thông nhưng với ý chí quyết chiến quyết thắng, nhân dân các dân tộc trong tỉnh, với tư cách là người khu căn cứ địa, đã và đang đấu tranh giành thắng lợi trên mặt trận chống phong kiến, đem theo niềm phấn khởi của người cày có ruộng ra tiền tuyến. Tính riêng tỉnh Thái Nguyên cũ, trong chiến dịch Điện Biên Phủ, nhân dân trong tỉnh đã gửi ra mặt trận 28,5 tấn thịt, 27,3 tấn rau khô, trên 500 tấn

gạo, cho mượn 1.096 chiếc xe đạp, trên 296 ngàn ngày công. Hai chiến sĩ dân công của Bắc Thái chở hàng bằng xe đạp ra mặt trận được thưởng huân chương kháng chiến hạng 2, do có thành tích thồ được 316 ki lô hàng mỗi chuyến ra mặt trận.

Ngoài nhiệm vụ chi viện cho mặt trận Điện Biên Phủ, Bắc Thái vẫn bảo đảm nhu cầu ngày cao hơn cho các cơ quan Trung ương, Chính phủ và quân đội trên địa bàn tỉnh.

Ngày 7-5-1954, lá cờ quyết chiến quyết thắng tung bay trên nóc hầm chỉ huy của tướng Đờ -Cát-Tơ -Ri. Quân Pháp ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đầu hàng. Ý chí xâm lược của thực dân Pháp trên toàn cõi Đông Dương, theo đó, sụp đổ.

Chiến thắng Điện Biên Phủ của nhân dân ta làm chấn động năm Châu, Buộc thực dân Pháp phải ký hiệp nghị Giơ-ne-vơ. Kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương, đưa cách mạng nước ta đi vào thời kỳ mới, thời kỳ miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà.

KẾT LUẬN

Từ Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (tháng 11 - 1940), quyết định duy trì tiếng súng Bắc Sơn, lấy Bắc Sơn - Võ Nhai làm trung tâm căn cứ địa cách mang; Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (tháng 5-1941), chọn Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai làm hai căn cứ chính, đến sự ra đời của khu giải phóng Việt Bắc (tháng 6-1945), Đảng ta đã giải quyết thành công vấn đề chọn chỗ đứng chân, xây dựng và phát triển lực lượng. Cách mạng đã có chỗ đứng vững chắc ở khắp rừng núi, đồng bằng, thành thị và khi thời cơ đến, Đảng ta phát động tổng khởi nghĩa và đã thành công trên phạm vi cả nước.

Thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta, cả nước bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ. Căn cứ địa cách mạng Việt Bắc tiếp tục nhiệm vụ lịch sử trở thành căn cứ chính của cuộc kháng chiến thần thành. Cách mạng tháng 8 do Việt Bắc mà thành công; cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp cũng do Việt Bắc mà thắng lợi [(1)]

Mỗi bước phát triển của cách mạng nước ta, có sự đóng góp to lớn của đồng bào các dân tộc ở căn cứ địa Việt Bắc mà Bắc Thái là một tỉnh trung tâm.

Từ buổi gây dựng cơ sở đầu tiên, dưới gông cùm, tù đày, bắn giết, đồng bào đã không tiếc sinh mạng, tài sản, một lòng một dạ đi theo cách mạng. Chắt chịu từng manh áo, hạt muối, nắm rau rừng, nuôi sống và bảo vệ cán bộ hoạt động bí mật, dến những khói lửa chiến tranh tràn lan khắp thôn cùng, bản lánh, nhân dân các dân tộc bảo vệ an toàn cho các đồng chí lãnh tụ, cho các cơ quan đầu não của kháng chiến, đồng thời đã gửi gắm những người chồng, người con, tòng quân giết giặc để cùng cả nước giành lại cuộc đời no ấm, tự do.

[(1)] Dẫn ý của Hồ Chủ Tịch trong thư gửi đồng bào Việt Bắc nhân ngày Quốc Khánh 2-9-1947.

Lịch sử, thời kỳ 1940-1954, cùng với Việt Bắc, nhân dân các dân tộc Bắc Thái đã nêu một tấm gương sáng chói về tinh thần cách mạng. Ý chí đấu tranh kiên cường, bất khuất, lòng trung thành vô hạn đối với Đảng, với sự nghiệp của Bác Hồ, gắn liền với sự ra đời, phát triển và ngày càng lớn mạnh của căn cứ địa trong công cuộc khởi nghĩa, vũ trang toàn dân, kháng chiến toàn dân, động viên toàn dân: gắn liền với đường lối xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang nhân dân và xây dựng căn cứ địa, hậu phương kháng chiến của Đảng ta và của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Chiến đấu và xây dựng căn cứ địa cách mạng, căn cứ địa kháng chiến, giữa vòng vây bốn bề của đế quốc thực dân, vượt qua bao gian nan thử thách, nhân dân các dân tộc Bắc Thái cùng Việt Bắc, cùng cả nước, vì cả nước, hoàn thành sứ mệnh lịch sử được giao phó.

Trên mỗi tấc đất của căn cứ địa cách mạng, căn cứ địa kháng chiến chống thực dân Pháp, lịch sử đã ghi đậm chiến công của Đảng quang vinh và nhân dân anh hùng. Trên mảnh đất chói lọi chiến công đó còn để lại cho thế hệ ngày nay và mai sau những bài học vô cùng quý giá trong quá trình đấu tranh giành độc lập và bảo vệ nền độc lập của một thời kỳ lịch sử oanh liệt nhất, vẻ vang nhất của nhân dân ta.

Mùa thu 1985

MỤC LỤC

	Trang
LỜI GIỚI THIỆU	2
I- NHÌN LẠI LỊCH SỬ	
1. Địa lợi và nhân hòa	3
2. Bắc Thái trong lịch sử	6
II- TRONG CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG	
1. Mở đầu thời kỳ mới	8
2. Trong sự hình thành căn cứ địa	13
III- TRONG KHU GIẢI PHÓNG	
1. Khu giải phóng Việt Bắc	24
2. Bắc Thái trong khu giải phóng Việt Bắc	26
IV- TRUNG TÂM CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP	
1.Kháng chiến và kiến quốc	33
2. "Cách mạng do Việt Bắc mà thành công kháng chiến cũng do Việt Bắc mà thắng lợi"	40
3. Giải phóng toàn tỉnh - mở rộng căn cứ địa Việt Bắc	54
4. Tỉnh căn cứ hậu phương kháng chiến	63
KẾT LUẬN	78